

**THÔNG BÁO**  
**Về việc công bố thông tin**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

- Mã chứng khoán: DNH
- Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại liên hệ: 0263 728171 Fax: 0263 866457
- Email: [phuocqt@dhd.com.vn](mailto:phuocqt@dhd.com.vn); [trusochinh@dhd.com.vn](mailto:trusochinh@dhd.com.vn)

2. Loại thông tin công bố

- định kỳ       bất thường 24h       theo yêu cầu

3. Nội dung thông tin công bố

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2021.

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại đường dẫn: [www.dhd.com.vn](http://www.dhd.com.vn).

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CTHĐQT (đề b/c);
- PTGD Nguyễn Đình Chiên;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**  
**Q. TÔNG GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Minh Lộc**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN  
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: Số 80A, Trần Phú, Phường Sơn Lộc,  
Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



**EVN HPC DHD**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN  
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI



# Mục Lục

01

THÔNG TIN CHUNG

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021



**EVNHPC DHD**

# **PHẦN I** **THÔNG TIN CHUNG**

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Tên tiếng Anh	: Da Nhim - Ham Thuan - Da Mi Hydro Power Joint Stock Company
Mã cổ phiếu	: DNH
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 5800452036, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 18/5/2005, thay đổi lần 9 ngày 03/3/2022



Vốn điều lệ

**4.224.000.000.000** VNĐ

Số điện thoại	: (0263) 3728 171
Số fax	: (0263) 3866 457
Website	: <a href="http://www.dhd.com.vn">www.dhd.com.vn</a>
Trụ sở chính	: Số 80A, Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Logo



**EVNHPC DHD**





## Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân Công ty là Nhà máy Thủy điện (NMTĐ) Đa Nhim, đưa vào vận hành với công suất 160 MW.

Theo Quyết định số 18/2005/ QĐ-BCN ngày 30/3/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), chuyển NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, đơn vị hạch toán phụ thuộc thành Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, đơn vị hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

**1964**

Thông qua Quyết định số 154 EVN/TCCP. ĐT Hội đồng quản trị Tập đoàn Điện lực Việt Nam đổi tên Nhà máy Thủy điện Đa Nhim thành Nhà máy Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi với tổng công suất 642,5MW trên cơ sở sáp nhập cụm thủy điện Đa Nhim - Sông Pha và Hàm Thuận - Đa Mi.

**2001**

**2005**

Thủ tướng Chính phủ quyết định cổ phần hóa Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi theo Quyết định số 384/ QĐ - TTG ngày 03/4/2007.

**2007**

Ngày 07/10/2011, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, với số vốn điều lệ là 4.248.000.000.000 đồng. Trong đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 99,93% vốn điều lệ.

**2011**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 biểu quyết thông qua điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty thành 4.224.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 46/ NQ -TĐĐHĐ -ĐHĐCĐ ngày 27/6/2014.

**2014**

- Ngày 20/3/2017, Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng.

- Ngày 03/4/2017, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 72/2017/GCNCPVSD và cấp mã chứng khoán cho CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi là DNH.

Ngày 12/6/2017, SDGCK HN ra quyết định số 427/ QĐSGDHN chấp nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

**2017**

Tháng 6/2019, Công ty hoàn thành đưa vào phát điện dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi công suất 47,5 MWp.

**2019**



**2021**

- Tháng 7/2021 Công ty hoàn thành đường hầm dẫn nước Dự án mở rộng Đa Nhim.
- Tháng 8/2021 Hòa lưới thành công tổ máy H5 Đa Nhim công suất 80MW.

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



## Thành tích đạt được trong quá trình hoạt động

Năm	Thành tích đạt được
1979	Huân chương Độc lập hạng Ba
1985	Huân chương Lao động hạng Hai
1997	Huân chương Lao động hạng Nhất
2000	Bảng khen Bộ Công Thương Huân chương Độc lập hạng Ba Bảng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bảng khen Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng
2001	Bảng khen Bộ Công Thương Bảng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2002	Bảng khen Bộ Y tế Bảng khen Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Thuận Bảng khen Công an tỉnh Bình Thuận
2003	Bảng khen Bộ Công Thương Bảng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bảng khen UBND tỉnh Bình Thuận
2004	Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2004 Cờ thi đua xuất sắc Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bảng khen Bộ Y tế
2005	Cờ thi đua xuất sắc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bảng khen Bộ Công Thương Bảng khen Bộ Y tế Bảng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
2006	Anh hùng Lao động năm 2006 Bảng khen UBND tỉnh Bình Thuận Bảng khen Bộ Công Thương
2007	Bảng khen Bộ Công Thương Cờ thi đua Bộ Công Thương

Năm	Thành tích đạt được
2008	Bảng khen Bộ Công Thương Bảng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bảng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bảng khen UBND tỉnh Lâm Đồng
2009	Bảng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bảng khen UBND tỉnh Lâm Đồng
2010	Huân chương Độc lập hạng Nhì Bảng khen Bộ Công Thương Bảng khen UBND tỉnh Lâm Đồng Bảng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bảng khen Bảo hiểm xã hội Việt Nam
2011	Bảng khen Thủ tướng Chính phủ Bảng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bảng khen Bảo hiểm xã hội Việt Nam
2012	Bảng khen Bộ Công Thương
2013	Bảng khen Bộ Công Thương
2014	Huân chương Độc lập hạng Nhì Cờ thi đua UBND tỉnh Lâm Đồng Bảng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bảng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
2015	Bảng khen Bộ Công Thương Bảng khen UBND tỉnh Bình Thuận
2016	Bảng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2017	Bảng khen Bộ Công Thương
2018	Cờ thi đua Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2019	Cờ thi đua Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2020	Cờ thi đua UBND tỉnh Lâm Đồng
2021	Bảng khen Thủ tướng Chính phủ Cờ thi đua Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bảng khen UBND tỉnh Ninh Thuận



## Các hoạt động chính của Công ty

- Sản xuất, kinh doanh điện năng.
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị.
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý các dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp.
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt điện, phong điện, năng lượng mặt trời.
- Sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị điện, cơ khí, viễn thông, công nghệ thông tin.



## Địa bàn hoạt động

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận - Đa Mi có địa bàn hoạt động trải dài trên ba tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận với:

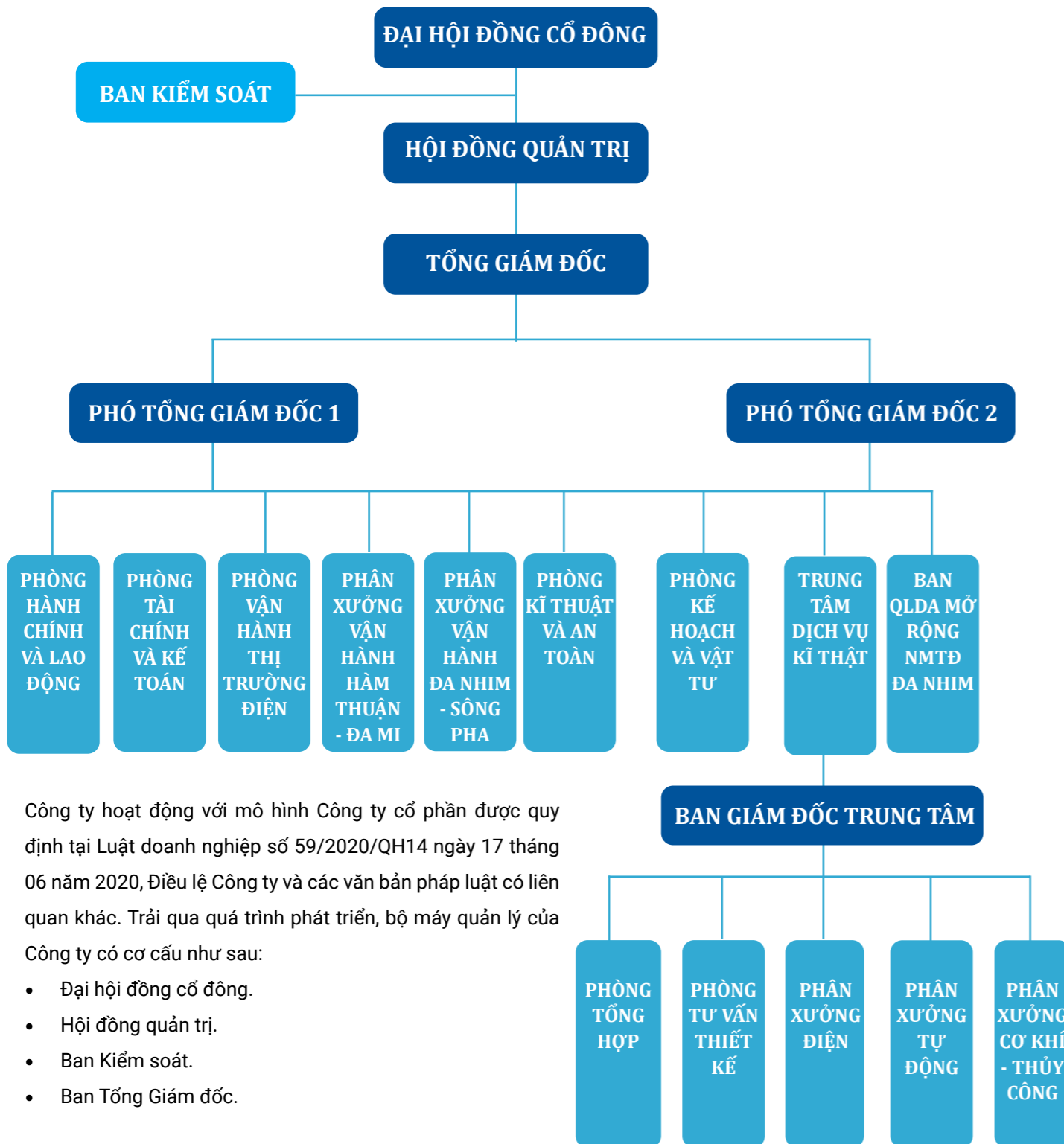
- Hai cụm nhà máy thủy điện Đa Nhim - Sông Pha, Hàm Thuận - Đa Mi
- Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi.





# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

## Mô hình quản trị

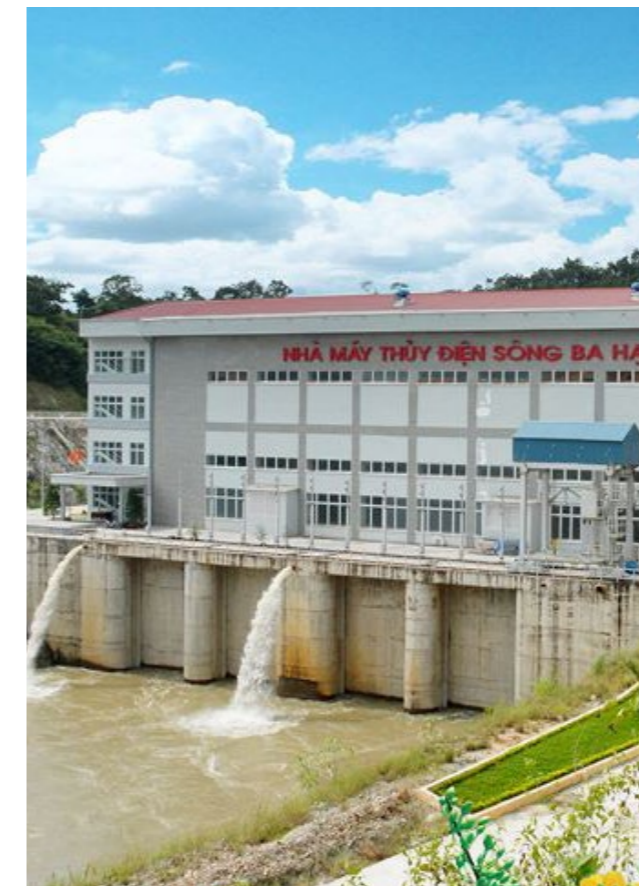


Công ty hoạt động với mô hình Công ty cổ phần được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Trải qua quá trình phát triển, bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu như sau:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Ban Tổng Giám đốc.

## Công ty con, Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
<b>Công ty con</b>				
Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Thôn Lâm Bình, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.	Sản xuất và kinh doanh điện năng	112	70%
<b>Công ty liên kết</b>				
CTCP Phong điện Thuận Bình	Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh điện năng.	100	20%



## Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

### • **Tầm nhìn:**

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi trở thành doanh nghiệp sản xuất kinh doanh điện đóng vai trò quan trọng trong hệ thống lưới điện quốc gia và khu vực, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống cho nhân dân cho các vùng hạ du.

### • **Sứ mệnh:**

- » Xây dựng và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh, đa dạng ngành nghề, lấy lĩnh vực thủy điện là trọng tâm, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tạo sự phát triển bền vững mang lại doanh thu và lợi nhuận cao.
- » Nghiên cứu, khảo sát các dự án để nâng tầm giá trị thương hiệu, phấn đấu trở thành một trong những đơn vị hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng, cung cấp dịch vụ đào tạo, dịch vụ vận hành và dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, thử nghiệm, hiệu chỉnh nhà máy thủy điện.

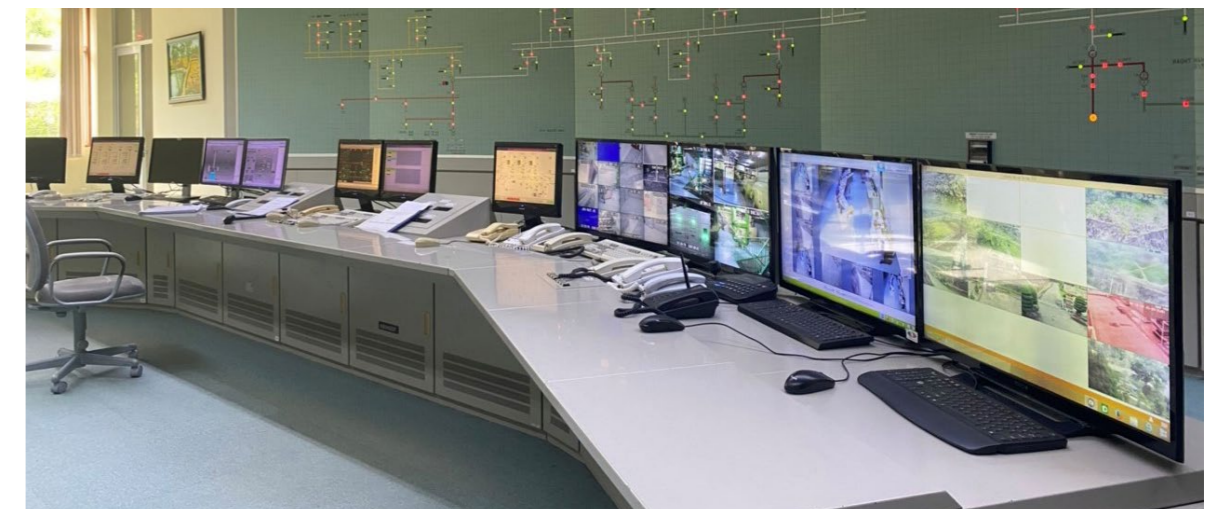


## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phấn đấu sản xuất khoảng 13,57 tỷ kWh trong 5 năm tiếp theo từ năm 2021. Trong đó, các nhà máy thủy điện (bao gồm nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng phát đủ công suất 80MW vào quý III/2021) sản xuất được 13,23 tỷ kWh và nhà máy điện mặt trời Đa Mi sản xuất được 340 triệu kWh.
- Cung cấp các dịch vụ: Quản lý dự án xây dựng; thí nghiệm hiệu chỉnh, kiểm định an toàn các thiết bị điện; sửa chữa các thiết bị cơ, điện các nhà máy điện, các trạm điện; đào tạo và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện.
- Hướng đến 2 mục tiêu lớn gồm: Tự động hóa hoàn toàn, hướng đến vận hành không người trực tại nhà máy thủy điện Sông Pha và lập bản đồ vật tư kết nối với phần mềm PMIS để tối ưu hóa công tác quản lý vật tư.
- Công ty sẽ hoàn thiện hồ sơ bổ sung Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2 vào Quy hoạch điện VIII và triển khai công tác chuẩn bị, phấn đấu hoàn thành Dự án trong năm 2026.

## Các mục tiêu phát triển bền vững

- Đảm bảo công tác bảo vệ môi trường và các nguyên tắc an toàn lao động tại công trình; xây dựng môi trường làm việc an toàn, xanh, sạch và hiệu quả.
- Tạo điều kiện tốt nhất để người lao động yên tâm công tác và phát huy hết khả năng của mình, mang lại hiệu quả cao nhất; xây dựng môi trường làm việc có văn hóa, văn minh, lịch sự phù hợp với xu thế phát triển, hội nhập của thời đại.
- Công ty chú trọng nâng cao hình ảnh của mình thông qua các kênh thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh và truyền hình địa phương khi tổ chức các sự kiện quan trọng.



## CÁC RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Theo Tổng cục thống kê, kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng 2,58% trong năm nay và dự kiến đạt 6,5% vào năm 2022. Tăng trưởng đã phục hồi trong nửa đầu năm 2021, chủ yếu do lưu lượng thương mại tăng cao, nhưng đã chậm lại trong nửa cuối năm do làn sóng thứ tư của đại dịch ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và thị trường lao động. Ngoài ra, Việt Nam giữ lạm phát ở mức 2,2% vào năm 2021, thấp hơn so với dự báo trước đó là 2,8%, nhưng dự báo cho năm 2022 được điều chỉnh lên 3,8% do dự kiến sẽ tiếp tục có biến động giá cả trên thế giới và những tác động từ lạm phát gia tăng ở các nền kinh tế tiên tiến.

Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn các nhà đầu tư trong trung hạn. Các điều kiện nền tảng vững mạnh của Việt Nam sẽ giúp các nhà đầu tư gạt bỏ những biến động ngắn hạn do Covid-19. Trong nội tại nền kinh tế, tiêu dùng nội địa và đầu tư công vẫn sẽ đóng vai trò quan trọng trong phục hồi tăng trưởng kinh tế năm 2022.

Với tốc độ tăng trưởng sản lượng điện khoảng 10%/năm (theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh) đến năm 2025, dự kiến nhu cầu công suất nguồn điện của hệ thống điện quốc gia sẽ hơn 90.000 MW, gấp đôi hiện nay và đến năm 2030, sẽ tăng lên khoảng 130.000 MW. Trong đó Việt Nam sẽ tập trung đẩy nhanh phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối v.v...), giảm tỷ trọng nguồn điện từ các nguyên vật liệu gây ô nhiễm môi trường, giá vốn cao, công nghệ thấp.

Đi kèm với những lợi ích đến từ tăng trưởng kinh tế và chính sách quản lý vĩ mô thì vẫn còn khá nhiều khó khăn thách thức mà các doanh nghiệp thuộc ngành thủy điện nói chung và DNH nói riêng phải đối mặt. Mặc dù vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong quá trình điều hành, luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua thử thách để phát triển, tìm kiếm nhiều cơ hội về hoạt động đầu tư và xây dựng cho Công ty, duy trì bộ máy vận hành hoạt động ổn định và hiệu quả.



### Rủi ro pháp luật

Các quy định pháp lý Ngành Điện có tác động đáng kể khi các doanh nghiệp trong Ngành chịu sự quản lý chặt chẽ từ Chính phủ, Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Đơn vị trực thuộc (điều độ, truyền tải...). Khả năng mở rộng đầu tư cũng như giá bán điện và sản lượng đầu ra đều đang chịu sự chi phối của hệ thống pháp lý, chính sách hiện hữu.

Đặc biệt đối với lĩnh vực Điện mặt trời – lĩnh vực mới của ngành điện, trong khi hệ thống văn bản hướng dẫn đang hoàn thiện, rủi ro do sự đầu tư ồ ạt dẫn đến dư thừa nguồn cung, quá tải lưới điện dẫn đến buộc phải cắt giảm công suất và sự thay đổi chính sách liên quan đến cơ chế giá.

Công ty hoạt động dưới hình thức CTCP, là doanh nghiệp đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM nên hoạt động sản xuất kinh doanh của DNH chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách khác bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, chính sách thuế...

Việc xây dựng một hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học cũng sẽ giúp DNH hoạt động một cách hiệu quả, đảm bảo giảm thiểu rủi ro về mặt quản trị xuống mức thấp nhất.

### Rủi ro kinh doanh

Qua tính toán của chuyên gia Hội đồng Khoa học Tạp chí Năng lượng Việt Nam cho thấy: đến hết năm 2022, Việt Nam chỉ bổ sung được thêm 6.000 MW các nguồn điện truyền thống. So với nhu cầu cần xây dựng thêm khoảng 15.400 MW (trong 2 năm) thì còn thiếu trên 8.000 MW công suất.

Trong năm 2022, giá bình quân thị trường điện sẽ cao hơn so với cùng kỳ do La Nina yếu hơn và muộn hơn, đẩy vùng mưa vào Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Vì thế, dự kiến ngành thủy điện, đặc biệt là các thủy điện phía Nam sẽ vẫn được hưởng lợi từ La Nina trong khoảng 6 tháng đầu năm 2022. Do trước đó, mực nước một số sông chính khu vực miền Trung và miền Nam đã tăng liên tục trong quý III/2021.

Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim đã chính thức về đích ngày 04/8/2021, bổ sung cho hệ thống điện Quốc gia công suất 80MW. Khi Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2 hoàn thành, Nhà máy thủy điện Đa Nhim có công suất 320 MW, tổng công suất của Công ty sẽ là 850MW. Nếu đảm bảo được năng lực vận hành của các nhà máy thì tiềm năng về phát triển doanh thu của Công ty là rất lớn trong tương lai.



## CÁC RỦI RO (tiếp theo)

### Rủi ro an toàn lao động

Đặc thù lao động ngành Điện là sự tiềm ẩn rủi ro rất cao, bởi chỉ riêng điện thôi đã là nguồn nguy hiểm cao độ đối với bất kỳ ai khi tiếp xúc. Người lao động ngành Điện ngoài việc đối diện với nguồn nguy hiểm này còn phải làm việc trong các tư thế khó khăn, dễ xảy ra tai nạn như trên cao, trong trạm điện, trên hệ thống đường dây tải điện, trong các nhà máy sản xuất điện với sự đa dạng điều kiện môi trường làm việc khắc nghiệt như nắng nóng, lạnh giá, đêm tối, mưa gió và bão lũ.

Vi thể, Công ty yêu cầu an toàn lao động lên trên hết bao gồm: hệ thống các quy trình, quy phạm nghiêm ngặt trong công tác quản lý, vận hành, sản xuất; công tác kiểm tra, sát hạch, tập huấn thường xuyên về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm bảo đảm an toàn lao động, các đơn vị thường xuyên trang bị đầy đủ các phương tiện, dụng cụ an toàn; các biện pháp kỹ thuật, cải thiện điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.



### Rủi ro thời tiết và thủy văn

Đối với các rủi ro thời tiết khắc nghiệt như lũ quét, mưa lớn..., gây thiệt hại cho các công trình đập của nhà máy, cũng như gây ra sự cố trong việc cung ứng điện, Công ty luôn sẵn sàng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

Với hai khu vực phát điện là Đa Nhim - Sông Pha và Hàm Thuận - Đa Mi tách biệt nhau về vị trí địa lý nên DNH có thể bù đắp sản lượng và chia sẻ rủi ro khi thời tiết biến động.

Bên cạnh nhiệm vụ phát điện, các nhà máy còn phải đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt đối với vùng hạ du thuộc tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, là những địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề nhất cả nước bởi tình hình khô hạn kéo dài. Công ty đã chủ động làm việc với địa phương để thống nhất kế hoạch điều tiết cấp nước cho hạ du phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong giai đoạn mùa khô trên tinh thần đảm bảo hài hòa giữa hai mục tiêu phát điện và đảm bảo cấp nước.

### Rủi ro cạnh tranh

Đến nay, EVN vẫn quản lý, điều hành hầu hết hạ tầng cốt lõi của ngành điện, bao gồm hệ thống lưới điện (truyền tải và phân phối), hệ thống đo đếm điện năng và hệ thống công nghệ thông tin phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện. Công ty ký hợp đồng bán điện trực tiếp với EVN, EVNGENCO1 nên bảo đảm đầu ra ổn định, tạo điều kiện cho Công ty tập trung vào sản xuất, khai thác nguồn thủy năng một cách hợp lý, có hiệu quả, tiến tới mở rộng địa bàn và phạm vi hoạt động.

Thị trường bán lẻ cạnh tranh dự kiến tiến hành vào năm 2023 sẽ đi vào hoạt động với nhiều bên mua – bán không cần qua các trung gian phân phối giúp các doanh nghiệp tăng được giá bán trên thị trường điện cạnh tranh khi dần bỏ đi vị thế độc quyền của EVN. Đây sẽ vừa là cơ hội mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng vừa là thách thức lớn cho DNH trong việc duy trì vị thế một trong những doanh nghiệp thủy điện hàng đầu Việt Nam.



### Rủi ro lãi suất

Đặc thù ngành điện là cần sử dụng vốn vay dài hạn để đầu tư các dự án thủy điện nên vốn vay và lãi suất phải trả được dự tính trong chi phí sản xuất kinh doanh và đầu tư doanh nghiệp trong năm.

Bên cạnh đó, một số dự án của Công ty sử dụng nguồn vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản. Sự biến động trên thị trường ngoại hối có thể tạo ra doanh thu đột biến nhờ hưởng lợi tỷ giá, nhưng cũng có thể gây ra những khoản lỗ tỷ giá không nhỏ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nếu tỷ giá JPY/VND tăng khi đến kỳ thanh toán.

Do đó, DNH luôn chủ động liên tục cập nhật thông tin về thay đổi lãi suất để có những quyết định phù hợp đối với nguồn vốn vay của Công ty.



### Rủi ro khác

Những rủi ro khác bao gồm: dịch bệnh, thiên tai, môi trường, bảo quản hàng hóa, ...là những rủi ro không thể dự báo trước nhưng sẽ có tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh của toàn DNH nếu xảy ra. Công ty đã đề ra các phương án cụ thể, thành lập các đội ứng phó khẩn cấp, và tổ chức diễn tập. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện mua bảo hiểm thiên tai để hạn chế rủi ro và tạo điều kiện cho Công ty phục hồi sau thiệt hại.



**EVNHPC DHD**

## **PHẦN II** **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG** **TRONG NĂM**

**Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tổ chức nhân sự**

**Tình hình đầu tư thực hiện các dự án**

**Tình hình tài chính**

**Cơ cấu cổ đông**

**Báo cáo tác động liên quan đến môi trường  
và xã hội**



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



ĐVT: tỷ đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2020	Tỷ trọng năm 2020	Năm 2021	Tỷ trọng năm 2021	% 2021/ 2020
1	Doanh thu bán điện	1.675,26	99,36%	2.464,99	99,59%	147,14%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	10,85	0,64%	10,12	0,41%	93,27%
	Tổng cộng	1.686,11	100,00%	2.475,11	100,00%	146,79%

Trong năm qua, bên cạnh công tác phòng chống dịch, Ban lãnh đạo cũng như Hội đồng quản trị DNH đã kịp thời có những công tác chuẩn bị tốt trong việc vận hành Công ty, cùng với sự nỗ lực của toàn thể người lao động, từ đó giúp hoạt động kinh doanh trong năm 2021 của DNH duy trì hiệu quả. Cụ thể, doanh thu thuần của Công ty trong năm đạt 2.475,11 tỷ đồng, tương đương với mức tăng trưởng 46,79% so với năm 2020.

Mảng kinh doanh bán điện thành phẩm là nguồn doanh thu chính khi chiếm đến 99,59% tổng giá trị, ghi nhận mức tăng 47,14%. Nguyên nhân chủ yếu là do lưu lượng nước về các hồ Đơn Dương và Hàm Thuận đều cao hơn năm 2020 và trung bình nhiều năm. Trong đó, lưu lượng về hồ Đơn Dương đạt 28,36m<sup>3</sup>/s và hồ Hàm Thuận đạt 56,26m<sup>3</sup>/s. Bên cạnh đó, Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim đã hoàn thành toàn bộ công trình, tổ máy H5 Đa Nhim đã phát đủ công suất thiết kế (80MW) vào ngày 04/8/2021 góp phần tăng sản lượng của toàn Công ty.

Tiếp theo đó là doanh thu cung cấp dịch vụ đạt 10,12 tỷ đồng, giảm nhẹ 6,73% so với năm trước nhưng có tỷ lệ đóng góp không đáng kể trong cơ cấu doanh thu (khoảng 0,41%) nên không có ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Nhìn chung, tình hình kinh doanh của DNH vẫn duy trì ổn định, hiệu quả và đạt được những thành quả nhất định. Kết quả này vừa là niềm khích lệ, vừa là động lực để Công ty nỗ lực phấn đấu không ngừng phát triển trong thời gian tới.



## TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### Ông LÊ VĂN QUANG

#### Chủ tịch HĐQT

28/02/2022 - nay

#### Tổng Giám đốc

07/2017 - 28/02/2022

Năm sinh	1968
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần sở hữu	7.600 cổ phần
Số cổ phần đại diện của EVNGENCO1	147.736.085 cổ phần (tính đến ngày 31/12/2021)
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có

#### Quá trình công tác

- Từ 9/1992 đến 02/1993: Kỹ sư điện, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ 3/1993 đến 3/1996: Kỹ sư điện, làm việc tại NMTĐ Đa Nhim.
- Từ 4/1996 đến 7/1997: Tổ trưởng tổ Thí nghiệm điện - Phân xưởng Sửa chữa - NMTĐ Đa Nhim.
- Từ 8/1997 đến 12/1998: Phó Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa - NMTĐ Đa Nhim.
- Từ 01/1999 đến 12/2006: Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa - NMTĐ Đa Nhim.
- Từ 01/2007 đến 10/2007: Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa 1 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 11/2007 đến 9/2011: Phó Giám đốc Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 10/2011 đến 6/2017: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 7/2017 đến 28/02/2022: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 28/02/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

### Ông NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

#### Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1974
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Năng lượng nước
Số cổ phần sở hữu	1.000 cổ phần
Số cổ phần đại diện của EVNGENCO1	0 cổ phần
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có

#### Quá trình công tác

- Từ 11/1997 đến 8/2005: Kỹ sư điện Phân xưởng Sửa chữa 2 - NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận- Đa Mi.
- Từ 9/2005 đến 6/2007: Học Thạc sĩ tại Học viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan.
- Từ 7/2007 đến 5/2008: Phó Quản đốc Phân xưởng sửa chữa 2 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 5/2008 đến 3/2010: Phó phòng Dự án - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 3/2010 đến 01/2011: Trưởng phòng Tư vấn và Thiết kế - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 01/2011 đến 12/2011: Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 01/2012 đến 12/2017: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 01/2018 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.



## TỔ CHỨC NHÂN SỰ (tiếp theo)

### Ông ĐỖ MINH LỘC

#### Quyền Tổng Giám đốc

01/03/2022- nay

#### Phó Tổng Giám đốc

07/2017 - 01/03/2022

Năm sinh	1975
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Điện
Số cổ phần sở hữu	7.100 cổ phần
Số cổ phần đại diện của EVNGENCO1	84.420.620 cổ phần (tính đến ngày 31/12/2021)
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có

#### Quá trình công tác

- Từ 8/1998 đến 6/2001: Kỹ sư điện, NMTĐ Đa Nhim.
- Từ 7/2001 đến 12/2002: Phó Quản đốc Phân xưởng Vận hành 2 - NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 01/2003 đến 4/2008: Quản đốc Phân xưởng Vận hành 2 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 5/2008 đến 12/2011: Quản đốc Phân xưởng Sản xuất Đa Nhim - Sông Pha - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 01/2012 đến 5/2017: Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 6/2017 đến 01/03/2022 : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 01/03/2022 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm chức vụ Quyền Tổng Giám đốc

### Bà PHẠM THỊ HỒNG HÀ

#### Kế toán trưởng

Năm sinh	1977
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần sở hữu	9.800 cổ phần
Số cổ phần đại diện của EVNGENCO1	0 cổ phần
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có

#### Quá trình công tác

- Từ 8/1999 đến 02/2004: Nhân viên phòng Tài chính kế toán - NMTĐ Đa Nhim.
- Từ 3/2004 đến 8/2005: Phó phòng Tài chính kế toán - NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 9/2005 đến 10/2006: Trưởng phòng Tài chính kế toán - NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 11/2006 đến 9/2011: Kế toán trưởng - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 10/2011 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.





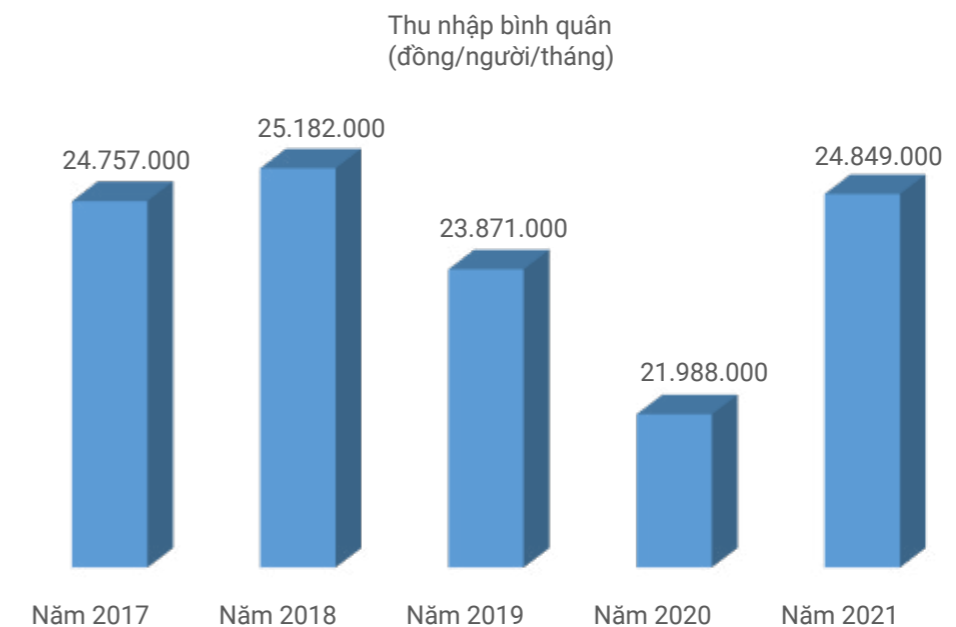
## TỔ CHỨC NHÂN SỰ (tiếp theo)

### Số lượng cán bộ công nhân viên:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng(người)	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG</b>	<b>251</b>	<b>100,00%</b>
1	Trình độ đại học, trên đại học	113	45,02%
2	Trình độ cao đẳng	15	5,98%
3	Trình độ trung cấp	72	28,69%
4	Công nhân kỹ thuật	45	17,93%
5	Lao động phổ thông	6	2,39%
<b>II</b>	<b>THEO LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG</b>	<b>251</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	229	91,24%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	22	8,76%
<b>III</b>	<b>THEO GIỚI TÍNH</b>	<b>251</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	226	90,04%
2	Nữ	25	9,96%

### Thu nhập bình quân:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng lao động (người)	273	269	259	264	251
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	24.757.000	25.182.000	23.871.000	21.988.000	24.849.000



# TỔ CHỨC NHÂN SỰ (tiếp theo)

## Chính sách nhân sự

### Về tuyển dụng

- + Kế hoạch tuyển dụng: căn cứ vào nhu cầu công việc và kế hoạch hoạt động mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự.
- + Thông báo tuyển dụng: Các yêu cầu tuyển dụng của Công ty đều được đăng tải trên Website của Công ty và các phương tiện thông tin đại chúng.
- + Nguyên tắc tuyển dụng: Bình đẳng – Khách quan – Minh bạch.
- + Yêu cầu tuyển dụng: Theo từng vị trí cụ thể, Công ty đề ra các yêu cầu về trình độ chuyên môn cơ bản, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật, trách nhiệm công việc. Đối với các vị trí quản lý, lãnh đạo, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và các tiêu chí riêng khác.

### Về đào tạo

- + Với phương châm đào tạo phải gắn liền với mục tiêu, chiến lược phát triển, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua nhiều chính sách về đào tạo.
- + Chú trọng việc đào tạo đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề vì đó là nhân tố quan trọng trong việc tồn tại và phát triển của DNH.
- + Tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các nhà máy thủy điện có quy mô tương tự nhằm tích lũy kinh nghiệm, chuyên môn,...



## Môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng xây dựng và duy trì môi trường làm việc thân thiện, hiện đại, năng động và an toàn. Do tình hình dịch bệnh bùng phát mạnh và diễn biến phức tạp, Công ty tuân thủ nhiều biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người lao động, tuyên truyền về việc hạn chế đi lại và kêu gọi toàn thể người lao động cùng đoàn kết, nỗ lực để vượt qua giai đoạn khó khăn.

## Lương, thưởng

Công ty đã xây dựng hệ thống lương thưởng vừa để công nhận đóng góp vừa thúc đẩy người lao động phát huy hơn nữa tiềm năng, kiến thức của bản thân, gắn bó hơn với Công ty.

## Phúc lợi, đãi ngộ

Công ty tổ chức các buổi tuyên dương, khen thưởng cho các cán bộ nhân viên có thành tích xuất sắc, có đóng góp tích cực cho hoạt động sản xuất. Chính sách khen thưởng với các nội dung và hình thức khen thưởng chi tiết đã được phổ biến tới tất cả các Cán bộ Lãnh đạo, Cán bộ quản lý và toàn thể CBNV để tổ chức thực hiện.

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến trích nộp bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty hỗ trợ chi phí khám sức khỏe định kỳ và điều trị bệnh, tai nạn cho toàn thể cán bộ nhân viên.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

### Hoàn thành đường hầm dẫn nước Dự án mở rộng Đa Nhim vượt tiến độ

Đường hầm dẫn nước Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim có tổng chiều dài 4.908,57m được thi công bằng máy khoan hầm TBM (Tunnel Boring Machine) và một phần thi công bằng biện pháp khoan nổ. Công tác khoan hầm bằng TBM bắt đầu vào ngày 01/4/2017 với đường kính 3,9m.

Ngày 20/7/2021, Hội đồng nghiệm thu cơ sở đã tiến hành kiểm tra, nghiệm thu đường hầm dẫn nước Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim. Sau khi kiểm tra toàn bộ đường hầm với chiều dài 4.908,57m từ cửa nhận nước đến nhà van, Hội đồng nghiệm thu đã thống nhất đưa đường hầm vào sử dụng từ ngày 27/7/2021.



### Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim

Đối với kế hoạch năm 2021, hoàn thành Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim trong Quý III/2021 là một nhiệm vụ quan trọng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào tháng 06/2021. Để đạt được mục tiêu này, Hội đồng quản trị đã giao Tổng Giám đốc chỉ đạo Ban Quản lý dự án phối hợp với các Nhà thầu và Tư vấn giám sát phát động thi đua, đẩy nhanh tiến độ thi công trên công trường nhằm đạt mốc tiến độ phát điện tổ máy H5 Đa Nhim mở rộng với suất thiết kế 80MW tháng 8/2021. Ngay từ tháng 06/2021, Nhà thầu CC47 đã tổ chức thi công 03 ca trong công tác gia cố, hoàn thiện đường hầm dẫn nước trong khi Công ty đẩy nhanh tiến độ kiểm tra, bảo dưỡng tổ máy H5 sau 2,5 năm vận hành với công suất 45MW.

Với sự nỗ lực vượt bậc của Ban Quản lý dự án, Nhà thầu CC47 và Tư vấn giám sát, Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim lần lượt đạt được các mốc tiến độ quan trọng như sau:

- Hoàn thành và nghiệm thu toàn bộ công tác thi công đường hầm dẫn nước ngày 20/7/2021;
- Hoàn thành công tác nạp nước đường hầm vào ngày 27/7/2021;
- Hoàn thành thử nghiệm tổ máy H5 Đa Nhim mở rộng với công suất thiết kế 80MW vào ngày 09/8/2021;
- Hoàn thành vận hành thử thách 72 giờ và phát điện thương mại ngày 12/8/2021.

Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim đã chính thức phát điện thương mại vào ngày 12/8/2021, bổ sung cho hệ thống điện Quốc gia với công suất 80MW và cung cấp thêm nguồn nước cho đồng bằng tỉnh Ninh Thuận vốn quanh năm chịu ảnh hưởng của khí hậu nắng gió khắc nghiệt của miền Trung.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/ 2020
1	Tổng giá trị tài sản	8.351,87	8.958,68	107,27%
2	Doanh thu thuần	1.686,11	2.475,11	146,79%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	796,35	1.649,47	207,13%
4	Lợi nhuận khác	-0,2	0,56	-
5	Lợi nhuận trước thuế	796,15	1.649,53	207,19%
6	Lợi nhuận sau thuế	660,34	1.373,15	207,95%

Năm 2021, Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tiếp tục ghi nhận cả doanh thu và lợi nhuận tăng mạnh.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021 doanh thu Thủy điện Đa Nhim Hàm Thuận Đa Mi đạt 1.651 tỷ đồng, tăng trưởng 30% so với cùng kỳ năm 2020 và hoàn thành 90% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 873 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 73% so với lợi nhuận đạt được 9 tháng đầu năm ngoái và vượt 35,5% chỉ tiêu lợi nhuận được giao cho cả năm.

Tính riêng quý 4 doanh thu đạt 824,4 tỷ đồng, tăng cao gấp gần 2 lần so với cùng kỳ, trong khi tỷ lệ giảm chi phí vốn thấp hơn, chỉ tăng 22,6% nên lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 549,4 tỷ đồng, tăng gấp gần 3 lần so với quý 4 năm ngoái.

Tính chung cả năm 2021 doanh thu Công ty đạt 2.475,11 tỷ đồng, tăng 46,79% so với năm trước đó. Lợi nhuận sau thuế gấp đôi năm 2020 đạt 1.373,15 tỷ đồng và vượt 113% chỉ tiêu lợi nhuận được giao cho cả năm. Nguyên nhân chính khiến doanh thu và lợi nhuận tăng mạnh do tình hình thủy văn trên lưu vực các hồ Đơn Dương, Hàm Thuận tương đối thuận lợi, lưu lượng nước về cao hơn trung bình nhiều năm và cùng kỳ năm 2020, đồng thời phân bố tương đối đều giữa các thời kỳ nên sản lượng và doanh thu đều cao so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình tài chính của DNH vẫn ổn định do Công ty đã có những biện pháp sử dụng dòng tiền hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả: tận dụng nguồn vốn vay ngắn hạn lãi suất thấp để tính toán gửi tiết kiệm với lãi suất cao hơn; chủ động tìm kiếm nguồn vay có lãi suất cạnh tranh để đầu tư xây dựng; thanh lý vật tư, tài sản kịp thời để giảm vật tư ứ đọng,

Ban lãnh đạo Công ty đã lèo lái con tàu DNH vượt qua một năm vô cùng cam go và thử thách, cùng với tập thể CB.CNV nỗ lực hết mình để đóng góp sức xây dựng DNH ổn định và vững mạnh trong năm qua.

### Các chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,61	4,05
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,53	3,99
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	30,50	27,37
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	44,00	37,68
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	13,59	10,39
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,19	0,29
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	39,16	55,48
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,01	22,32
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,51	15,86
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	47,23	66,64

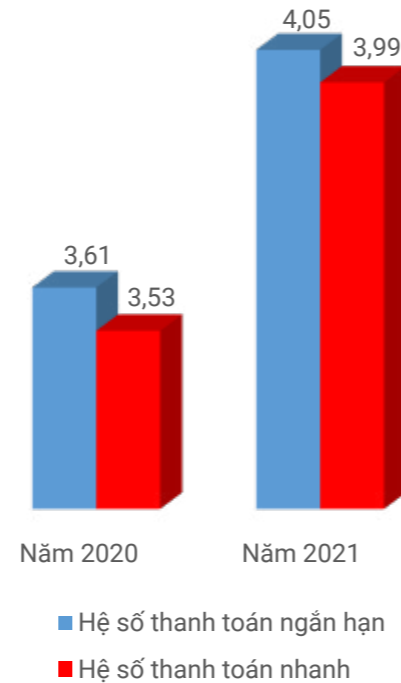
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán của Công ty đều tăng mạnh trong năm 2021. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ mức 3,61 năm 2020 lên mức 4,05 năm 2021. Hệ số thanh toán nhanh tăng từ mức 3,53 lên mức 3,99 năm 2021.

Hai chỉ số trên thể hiện khả năng thanh toán của Công ty ổn định nhờ hoạt động kinh doanh hiệu quả, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh được củng cố qua hằng năm, đảm bảo khả năng trả các món nợ khi tới hạn.

Trong khi nợ ngắn hạn trong năm chỉ tăng nhẹ, khả năng thanh toán của DNH được hỗ trợ đáng kể từ sự tăng trưởng mạnh của các chỉ tiêu tài sản có tính thanh khoản cao như tiền và tương đương tiền tăng trưởng 408,91% lên mức 734,36 tỷ đồng. Khả năng thanh khoản tốt là một lợi thế lớn của Công ty giúp duy trì hoạt động kinh doanh luôn ổn định trước bối cảnh khó khăn trong năm qua, đảm bảo năng lực đầu tư các dự án trong tương lai của Công ty.

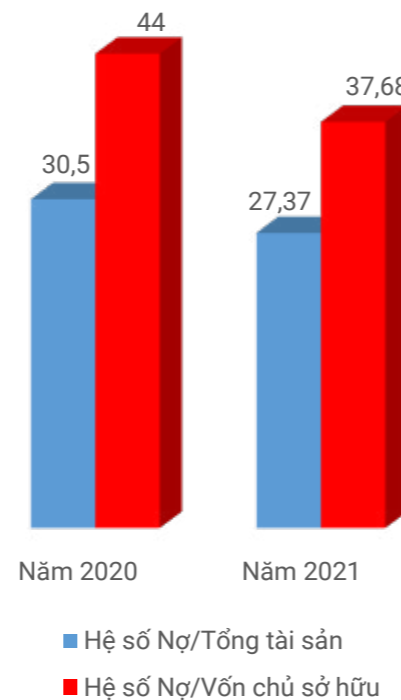


## Chỉ tiêu cơ cấu vốn

Cấu trúc vốn của DNH có xu hướng giảm đòn bẩy tài chính qua các năm nhờ dòng tiền ổn định của các nhà máy điện đã đi vào vận hành, dẫn đến các khoản nợ phải trả giảm dần. Tổng nợ phải trả giảm 3,91% còn 2.451,9 tỷ đồng nhờ việc Công ty ưu tiên sử dụng nguồn lực tự có để hạn chế gánh nặng chi phí lãi vay. Cụ thể, vay ngắn hạn còn lại 142,38 tỷ đồng, giảm 27,15 tỷ đồng so với 2020; vay dài hạn giảm gần 10,4% xuống mức 1.905,6 tỷ đồng.

So với năm 2020, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm từ 44% xuống 37,68% và hệ số nợ/tổng tài sản giảm từ 30,5% xuống 27,37%.

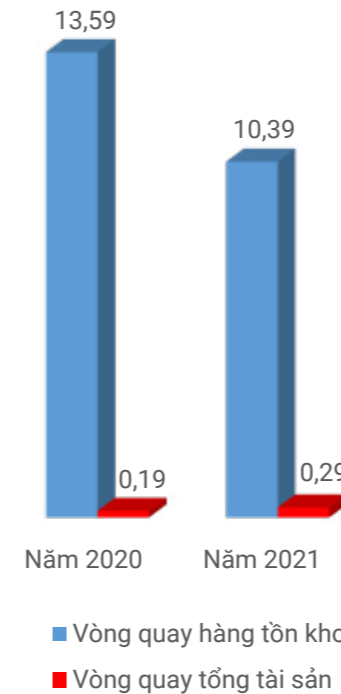
Từ đó cho thấy Công ty đã sử dụng nợ một cách thận trọng và hợp lý giúp duy trì được các chỉ tiêu về cơ cấu vốn ở mức ổn định, đảm bảo cho tình hình tài chính lành mạnh, duy trì mức rủi ro thấp, tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả tối ưu.



## Chỉ tiêu năng lực hoạt động

Thời điểm 31/12/2021, DNH ghi nhận giá vốn hàng bán tăng 11,85% so với cùng kỳ năm trước và đạt gần 941,62 tỷ đồng. Hàng tồn kho tính đến thời điểm cuối năm 2021 giảm gần 17,4% xuống còn 28,66 tỷ đồng; ngược lại thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn đã tăng 22,12% lên mức gần 64,79 tỷ đồng. DNH là đơn vị sản xuất điện năng nên, lượng hàng tồn kho giảm chủ yếu là các vật tư thiết bị dùng để phục vụ cho công tác sửa chữa thường xuyên của ba nhà máy đã được chuyển sang dài hạn. Vòng quay hàng tồn kho của Công ty trong năm 2021 là 10,39 vòng, giảm so với 13,59 vòng của năm 2020; nhưng vẫn là con số cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Ngoài ra, do doanh thu thuần trong năm 2021 tăng mạnh 46,74% đạt mức 2.475,11 tỷ đồng làm cho vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,19 vòng lên mức 0,29 vòng.



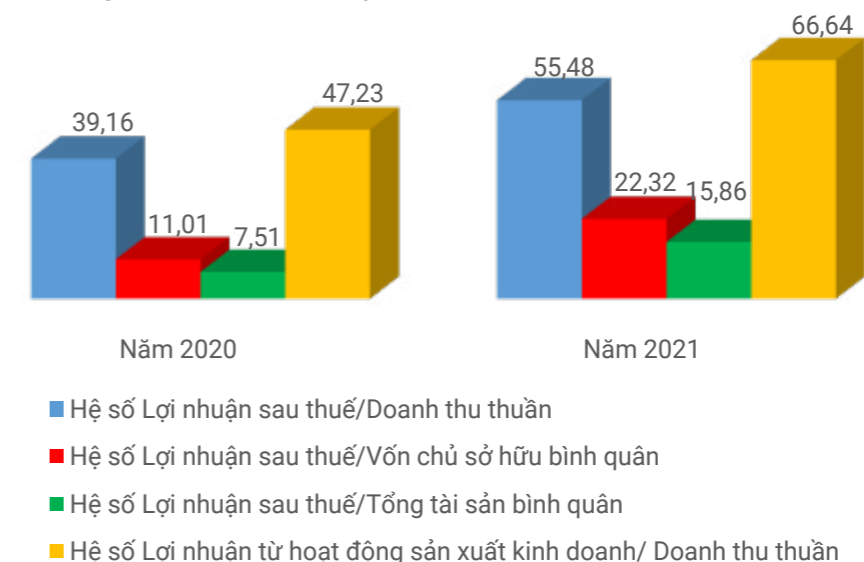
## Chỉ tiêu khả năng sinh lời

Ban lãnh đạo DNH đã tập trung mọi nguồn lực để phát triển hoạt động kinh doanh chính nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.

Trong năm 2021, với việc giá than và khí tự nhiên tăng mạnh trong năm 2021 đã làm tăng giá bán trên thị trường điện; càng giúp nhóm doanh nghiệp thủy điện hưởng lợi. Đây là động lực lớn để hoạt động kinh doanh của Công ty có thể phát triển hơn nữa khi tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát.

DNH đã ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế đều tăng mạnh so với năm 2020. Lũy kế cả năm 2021 ghi nhận doanh thu thuần của Công ty đạt 2.475,11 tỷ đồng, tăng trưởng gần 47% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.373,15 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với kết quả đạt được năm ngoái.

Do đó, các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi trong năm đều tăng đồng loạt so với năm trước. Cụ thể, ROE và ROA lần lượt tăng 11,31% và 8,35%, biên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng từ 47,23% lên mức 66,64% và biên lợi nhuận sau thuế đạt 55,48%. Có thể thấy bộ chỉ số khả năng sinh lợi của Công ty đang đạt ở mức cao so với các doanh nghiệp cùng ngành do thủy điện có lợi thế giá thành sản xuất thấp hơn hẳn so với điện than và điện khí.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2021

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	<b>CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC</b>	<b>111</b>	<b>422.397.200</b>	<b>422.397.200.000</b>	<b>99,9993%</b>
1	Cá nhân	110	294.100	294.100.000	0,0696%
2	Tổ chức	1	422.103.100	422.103.100.000	99,9297%
II	<b>CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI</b>	<b>3</b>	<b>2.800</b>	<b>2.800.000</b>	<b>0,001%</b>
1	Cá nhân	3	2.800	2.800.000	0,001%
2	Tổ chức	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>114</b>	<b>422.400.000</b>	<b>4.224.000.000.000</b>	<b>100%</b>

### Thông tin cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 422.400.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có

### Danh sách cổ đông lớn

#### TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1

Địa chỉ : Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Số lượng cổ phiếu : 422.103.100 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu (%) : 99,93%

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

## Tiêu thụ nước

Trong nhiều năm qua, DNH sử dụng nguồn nước từ thượng nguồn sông Đồng Nai và Sông La Ngà để sản xuất. Với hệ thống nhóm nhà máy thủy điện bậc thang, NMTĐ Sông Pha và Đa Mi là bậc thang dưới nên tận dụng thủy năng của nguồn nước xả sau khi chạy máy NMTĐ Đa Nhim và NMTĐ Hàm Thuận với tỷ lệ tái sử dụng nước là 100%.

Vì hạ lưu của các Nhà máy là những khu vực có lượng mưa thấp so với cả nước, Công ty luôn nhận thức sự quý giá của nguồn nước đến hoạt động kinh doanh và môi trường sống. Công ty thường xuyên nhắc nhở CB.CNV chú tâm đến công tác tiết kiệm trong việc sử dụng nguồn nước sinh hoạt, tránh lãng phí nguồn nước. Đồng thời, Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã đưa vào hệ thống cấp nước hoàn chỉnh, hệ thống xử lý nước đạt chuẩn và tái sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả.



## Tiêu thụ năng lượng

Do đặc thù hoạt động trong ngành điện, nguồn năng lượng công ty đang sử dụng cũng chính là hàng hóa mà Công ty kinh doanh. Công ty chủ yếu tiêu thụ năng lượng điện cho các hoạt động tại văn phòng làm việc. Bên cạnh đó, Công ty còn sử dụng các nguồn nguyên liệu hóa thạch như: xăng, dầu, nhớt để vận hành các phương tiện, máy móc phục vụ cho việc lắp đặt các công trình điện. DNH luôn chú ý để có thể sử dụng nguồn điện điều độ và hợp lý, góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia và giảm thiểu chi phí hoạt động của doanh nghiệp. Tinh thần tiết kiệm, sử dụng hiệu quả nguồn nguyên, nhiên liệu được quán triệt sâu sắc đến từng cán bộ công nhân viên, góp phần vào lợi ích chung của cộng đồng địa phương và xã hội.



## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng, trong quá trình vận hành Công ty có phát sinh nguồn vật tư thiết bị phục vụ công tác duy tu, sửa chữa. Công ty cố gắng hạn chế tối đa hao hụt, giảm sự lãng phí nguồn nguyên vật liệu để hạn chế những rủi ro về giá nguyên vật liệu có thể tăng.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Ý thức được trách nhiệm đối với môi trường, trong nhiều năm qua, Công ty luôn quan tâm đến công tác kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường xung quanh, từ đó giúp ban điều hành Công ty có những biện pháp xử lý, sử dụng hợp lý, kịp thời các nguồn tài nguyên tại khu vực hoạt động kinh doanh. Trong nhiều năm qua, Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường.



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)



### Hoạt động đào tạo người lao động

- Từ tháng 8/2021, Công ty đã đăng ký mua tài khoản cho CB.CNV tham gia 19 khóa học trực tuyến của các Trung tâm đào tạo uy tín về nâng cao kỹ năng tin học văn phòng và quản lý để nâng cao kiến thức trong thời đại công nghệ 4.0.
- Thực hiện nâng cao kỹ năng tin học cho CB.CNV trong tất cả các lĩnh vực. Hằng tuần Công ty tổ chức các lớp đào tạo nội bộ về ứng dụng tin học trong công việc.
- Các chương trình đào tạo chuyên sâu định hướng phát triển nghề nghiệp và nhiều chương trình đào tạo các chức danh nghiệp vụ như là: đấu thầu, quản lý dự án, giám sát thi công, chỉ huy trưởng công trình, lập dự toán,...

### Mức lương trung bình đối với người lao động.

Công ty xây dựng chính sách lương cạnh tranh, phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Đồng thời, mức lương mà Công ty thực hiện phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Mức lương này được căn cứ theo tính chất công việc và trách nhiệm của người lao động, trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty sẽ thực hiện chi trả lương làm thêm giờ hoặc phụ cấp làm đêm theo quy định của Bộ luật Lao động.



### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Trong công tác vận hành và xây dựng các công trình phát điện, an toàn lao động là yếu tố đặc biệt được quan tâm, bởi đây chính là điều kiện để bảo vệ sức khỏe, tính mạng của người lao động là tài sản của Công ty.

DNH phối hợp cùng với Công đoàn tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người lao động để tạo điều kiện tốt nhất có thể cho người lao động trong công việc và trong cuộc sống, đồng thời tiếp tục nâng cao truyền thống đoàn kết trong toàn Công ty.

Liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình, người lao động được báo cáo công khai tình hình thu chi Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi năm 2021. DNH đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đồng thời trích nộp kinh phí Công đoàn theo quy định trong năm 2021.

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Nhằm chia sẻ những khó khăn trong công tác phòng chống dịch Covid-19, ngày 14/9/2021 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã hỗ trợ vật tư y tế đến một số địa phương trên địa bàn 2 tỉnh Lâm Đồng và Ninh Thuận. Đợt hỗ trợ vật tư y tế lần này bao gồm 5.000 khẩu trang, 7.500 đôi găng tay y tế, 500 bộ quần áo bảo hộ, 110 chai dung dịch sát khuẩn, 100 kính chống giọt bắn, 100 chai nước muối sinh lý Natriclorid 0,9% và 4 nhiệt kế hồng ngoại với tổng giá trị khoảng 90 triệu đồng.

Ngày 03/11/2021, Công ty đã trao 100 phần quà cho UBND xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận để cung cấp cho các hộ gia đình đang cách ly phòng dịch Covid-19.

Nhằm đảm bảo sức khỏe cho người thân trong gia đình CB.CNV khi chuyển sang giai đoạn bình thường mới, đặc biệt khi các cháu đi học trở lại, Lãnh đạo DNH đã quyết định hỗ trợ tiêm vắc xin ngừa cúm bằng nguồn quỹ phúc lợi của Công ty.







**EVNHPC DHD**

## **PHẦN III** **BÁO CÁO CỦA** **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tình hình tài chính**

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và  
chính sách quản lý**

**Kế hoạch phát triển trong tương lai**

**Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với  
môi trường và xã hội của Công ty**



# ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

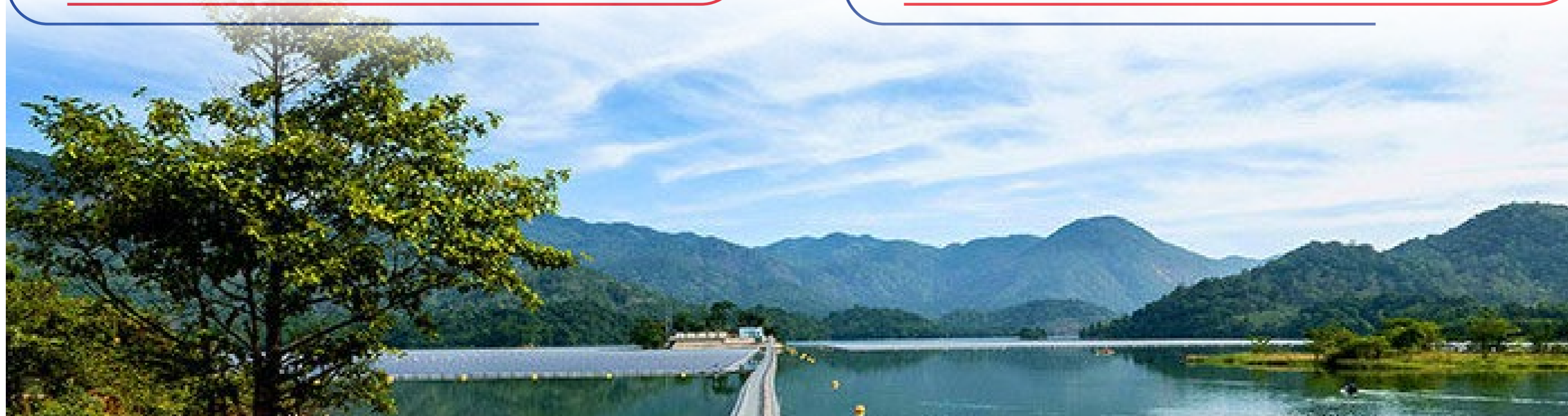
## Thuận lợi

Với bề dày lịch sử phát triển 57 năm của Công ty từ khi là Nhà máy thủy điện Đa Nhim, DNH nằm trong top 10 doanh nghiệp tiêu biểu ngành điện, có năng lực cạnh cao, giá điện hợp đồng thấp, năng lực tài chính tốt, sở hữu nguồn vốn lớn, đáp ứng được các nhu cầu xây dựng, sửa chữa, và nâng cấp và đầu tư các dự án chiến lược trung và dài hạn.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vượt bậc đã tạo tiền đề để Công ty đủ nguồn vốn đầu tư các dự án nguồn điện mới như Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim và Dự án điện mặt trời Đa Mi. Các dự án này góp phần tăng công suất của Công ty từ 642,5MW lên 770 MW.
- Sự phát triển của khoa học công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ giỏi giúp cho các hoạt động vận hành, khai thác và sản xuất điện một cách hiệu quả.
- Nhu cầu sản xuất công nghiệp trên khắp cả nước đang phát triển mạnh mẽ kéo theo nhu cầu sử dụng điện công nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại dịch vụ, dân sinh tăng lên, trong đó ngành điện sẽ có động lực tăng trưởng mạnh mẽ.
- Tình hình thủy văn trên lưu vực các hồ Đơn Dương, Hàm Thuận tương đối thuận lợi, lưu lượng nước về các hồ chứa cao hơn trung bình nhiều năm và cao hơn cùng kỳ năm 2020, đồng thời phân bố tương đối đều giữa các thời kỳ.

## Khó khăn

- Bước vào thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2021, DNH gặp khó khăn trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp, nhiều nơi trong nước đang thực hiện cách ly xã hội để đảm bảo công tác phòng dịch dẫn đến nhu cầu phụ tải phục vụ sản xuất kinh doanh giảm.
- Do ảnh hưởng của các dự án năng lượng mặt trời mới đưa vào vận hành nên nhà máy thủy điện Đa Nhim phải giảm phát vào giờ cao điểm sáng và giảm phát nhà máy điện mặt trời Đa Mi. Kể từ đầu năm đến nay, nhà máy điện mặt trời Đa Mi giảm phát khoảng 3 triệu kWh, khoảng 10% sản lượng thực phát.
- Tuy hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, nhưng vốn nhà nước chiếm tỉ trọng khá cao (99,93%), nên Công ty chưa thật sự chủ động cơ chế quản lý và sử dụng vốn.
- Sản phẩm chưa đa dạng khi điện năng từ thủy điện là sản phẩm chiếm tỉ trọng doanh thu nhiều nhất và phụ thuộc nhiều vào lượng nước về các hồ chứa, khả năng cao El Nino quay lại gây ra mưa ít sẽ tiếp tục kéo dài việc thiếu hụt nguồn thủy điện trong năm 2022 – 2023.
- Trong nhiều năm qua, nguồn nước cung cấp từ Công ty phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và thâm canh nông nghiệp cho hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Việc cân đối giữa doanh thu sản xuất điện và nhiệm vụ cấp nước cho hạ du luôn là bài toán khó đối với các nhà máy thủy điện.



# ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng kết năm 2021, toàn Công ty vượt nhiều chỉ tiêu quan trọng.
- Về công tác sản xuất kinh doanh, trong năm 2021 DNH gặp nhiều thuận lợi khi lưu lượng nước về các hồ Đơn Dương và Hàm Thuận đều cao hơn năm 2020 và trung bình nhiều năm. Trong đó, lưu lượng về hồ Đơn Dương đạt 28,36m<sup>3</sup>/s và hồ Hàm Thuận đạt 56,26m<sup>3</sup>/s. Bên cạnh đó, Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim đã hoàn thành toàn bộ công trình, tổ máy H5 Đa Nhim đã phát đủ công suất thiết kế (80MW) vào ngày 04/8/2021 góp phần tăng sản lượng của toàn Công ty. Với tổng công suất 770MW, trong năm 2021 Công ty sản xuất được 3,05 tỷ kWh, đạt 122,60 % kế hoạch.
- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa các tổ máy trong năm qua được Công ty thực hiện tốt, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đều đạt yêu cầu. Trong đó, tỉ lệ điện tự dùng chỉ đạt 83,84% kế hoạch, hệ số khả dụng đạt 96,85%, tỉ lệ dừng máy sự cố chỉ đạt 0,74% kế hoạch và tỉ lệ dừng máy bảo dưỡng đạt 77,77% kế hoạch.
- Công cuộc chuyển đổi số đang được triển khai mạnh mẽ và ứng dụng vào công tác điều hành tại Công ty đã nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Trong năm 2021, công tác đấu thầu và chào hàng cạnh tranh qua mạng được Công ty triển khai triệt để với tỷ lệ 18/18 gói thầu sửa chữa lớn, tiết giảm 14,4% chi phí và 50/50 gói thầu sản xuất kinh doanh khác, tiết giảm 19,1% chi phí.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty đạt được nhiều thành quả khả quan: Tổng doanh thu đạt 135,62% kế hoạch, tổng chi phí đạt 95,56% kế hoạch, tổng lợi nhuận sau thuế đạt 188,42% kế hoạch, đảm bảo 100% cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/6/2021.
- Năm 2021, DNH đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách cho địa phương, trong đó nộp thuế cho tỉnh Bình Thuận 349 tỷ đồng bằng 117% so với năm 2020. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội trên địa bàn các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Lâm Đồng hơn 1,85 tỷ đồng.

### Sản lượng điện

Tổng sản lượng điện Sản lượng điện sản xuất của từng nhà máy trong năm 2021 là 3.050.210.246 kWh, cụ thể:

- Tổng sản lượng tại các nhà máy Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim MR là 1.361.308.528 kWh. Trong đó:
  - Đa Nhim: 1.003.476.928 kWh;
  - Sông Pha: 47.722.199 kWh;
  - Đa Nhim MR: 310.109.401 kWh.
- Tổng sản lượng tại các nhà máy Hàm Thuận - Đa Mi là: 1.625.830.501 kWh. Trong đó:
  - Hàm Thuận: 1.017.469.250 kWh;
  - Đa Mi: 608.361.254 kWh.
- Điện mặt trời Đa Mi: 63.071.214 kWh

Mặc dù dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng toàn Công ty đã nỗ lực cố gắng vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiều chỉ tiêu quan trọng. Năm 2021, toàn Công ty sản xuất được 3,05 tỷ kWh, đạt 122,60 % kế hoạch.

Đối với công tác cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho tỉnh Bình Thuận, năm 2021 cụm thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi đã cung cấp cho các huyện Tánh Linh và Đức Linh hơn 1.540m<sup>3</sup> nước, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng nước tại địa phương với diện tích khoảng 20 nghìn ha.



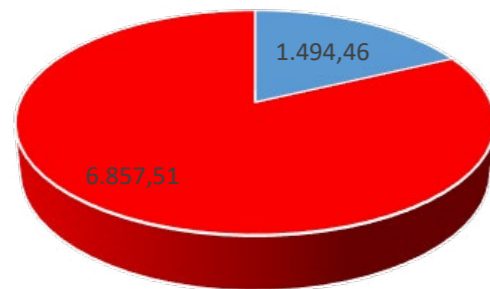
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

ĐVT: tỷ đồng

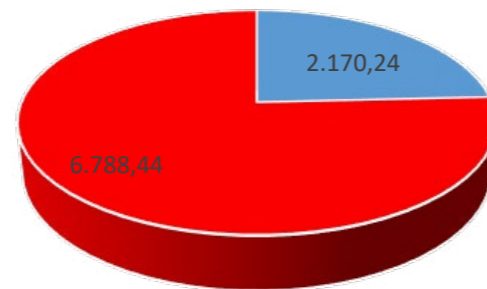
Chỉ tiêu	31/12/2020	Tỷ trọng	31/12/2021	Tỷ trọng	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	1.494,46	17,90%	2.170,24	24,22%	+45,19%
Tài sản dài hạn	6.857,51	82,10%	6.788,44	75,78%	+1,00%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>8.351,97</b>	<b>100,00%</b>	<b>8.958,68</b>	<b>100,00%</b>	<b>+7,26%</b>

31/12/2020



■ Tài sản ngắn hạn  
■ Tài sản dài hạn

31/12/2021



■ Tài sản ngắn hạn  
■ Tài sản dài hạn

Đến cuối năm 2021, DNH có tổng tài sản đạt giá 8.958,68 tỷ đồng, tăng trưởng 7,26% so với năm 2020. Trong đó tài sản dài hạn chiếm 75,78% trong cơ cấu tài sản, phản ánh đúng đặc thù của doanh nghiệp thủy điện khi phần lớn tài sản của Công ty nằm trong các tài sản cố định như công trình, máy móc, thiết bị. Tuy mức đầu tư dài hạn đã tăng gần 170 tỷ đồng, nhưng so với năm 2020 tài sản cố định không có quá nhiều biến động do việc trích khấu hao của nhiều công trình vừa đưa vào sử dụng vài năm gần đây.

Trong khi đó tài sản ngắn hạn lại có mức tăng lớn 45,19% so với năm 2020, đạt 2.170,24 tỷ đồng. Nguyên nhân đến từ việc khoản tiền và tương đương tiền tăng 408,91% đồng đạt 734,36 tỷ đồng. Tính đến hết quý 4/2021, DNH ghi nhận khoản tiền gửi ngân hàng có kì hạn là 909,54 tỷ đồng, giảm nhẹ hơn 1 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn 80,54 tỷ đồng và 100 tỷ đồng gửi kỳ hạn dài hơn. Ngoài ra, các khoản phải thu khách hàng vào thời điểm 31/12/2021 đã tăng 71,26%, đạt 547,44 tỷ đồng mà chủ yếu là từ Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam với 533,35 tỷ đồng.

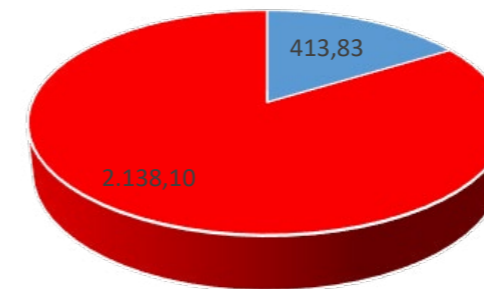
Nhìn chung, tình hình tài sản của DNH vẫn rất vững mạnh, góp phần giúp Công ty duy trì vị thế một trong những doanh nghiệp dẫn đầu ngành thủy điện.

## Tình hình nợ phải trả

ĐVT: tỷ đồng

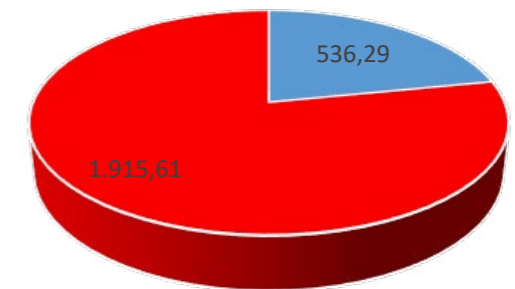
Chỉ tiêu	31/12/2020	Tỷ trọng	31/12/2021	Tỷ trọng	% tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	413,83	16,20%	536,29	21,87%	+29,59%
Nợ dài hạn	2.138,10	83,78%	1.915,61	78,13%	-10,41%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.551,93</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.451,90</b>	<b>100,00%</b>	<b>-3,92%</b>

31/12/2020



■ Nợ ngắn hạn  
■ Nợ dài hạn

31/12/2021



■ Nợ ngắn hạn  
■ Nợ dài hạn

Về cơ cấu nợ, DNH đã giảm tỷ trọng và giá trị của khoản nợ dài hạn đi 10,41% so với cuối năm 2020 xuống mức 1.915,61 tỷ đồng và chiếm 78,13% tổng nợ phải trả. Đây là đặc thù của ngành thủy điện nói chung và DNH nói riêng do phần lớn nợ vay được dùng cho công tác xây dựng công trình, mua sắm vật tư thiết bị, dịch vụ tư vấn và giám sát xây dựng cần thiết cho việc xây dựng, nâng cấp nhà máy điện.

Thời điểm cuối năm 2021, nợ ngắn hạn của Công ty tăng đã mạnh 29,59% so với cuối năm trước và đạt 536,29 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh tích cực dẫn đến các khoản phải trả về thuế còn phải nộp tại thời điểm 31/12/2021 là 265,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi cũng đã góp phần giúp DNH ghi nhận khoản vay ngắn hạn giảm hơn 27,15 tỷ đồng xuống mức 142,38 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm nay.

Nhìn chung, tổng nợ phải trả của DNH cuối năm 2021 là 2.451,9 tỷ đồng, tương ứng mức giảm nhẹ 3,92% so với một năm trước. Điều này sẽ giúp Công ty kiểm soát các khoản nợ một cách hiệu quả, đảm bảo an toàn tài chính trong tình hình kinh tế khó khăn để hạn chế rủi ro về lâu dài, đảm bảo khả năng đối phó kịp thời với những thay đổi của thị trường.

# NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH - QUẢN LÝ

## Dồn sức cho công trình trọng điểm

Trong giai đoạn cao điểm của dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim, Công ty chủ động thương thảo với Nhà thầu gói cơ khí thủy công, nhận tự lắp đặt 09 phân đoạn ống lót thép này để đáp ứng tiến độ Dự án. Những kỹ sư, thợ hàn giàu kinh nghiệm của Công ty được tập trung, dồn lực cho công trường Đa Nhim mở rộng, quyết tâm hoàn thành lắp đặt ống lót thép và bàn giao cho Nhà thầu CC47 đổ bê tông đúng thời hạn.

## Thực hiện giãn cách tập trung, đảm bảo an toàn sản xuất trong mùa dịch

Nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ kép vừa đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh điện an toàn liên tục, vừa đảm bảo hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 hiệu quả, Công ty đã triển khai thực hiện quét mã QR cá nhân kiểm soát người ra vào các địa điểm làm việc, lực lượng vận hành và lực lượng sửa chữa đã được bố trí cách ly riêng biệt, nhân viên vận hành thực hiện giao ca không tiếp xúc nhằm giảm thiểu khả năng lây lan dịch bệnh.

## Thực hiện tốt nhiệm vụ phát điện và cấp nước hạ du

Công ty đã chủ động phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn các tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận trong việc vận hành các hồ chứa, đảm bảo nhu cầu cấp nước với tổng diện tích khoảng 33 nghìn ha.



## Tổ chức thành công Hội nghị người lao động trong mùa dịch

DNH đã tổ chức thành công Hội nghị người lao động trực tuyến qua ứng dụng TranS. Trong tình hình dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp, nhằm thực hiện nhiệm vụ kép vừa đảm bảo phòng dịch vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh, 110 đại biểu đại diện cho 252 người lao động được triệu tập tham dự Hội nghị. Lãnh đạo Công ty và Công đoàn đã nhận được ý kiến đóng góp thẳng thắn, thiết thực từ người lao động và giải đáp trực tiếp tại Hội nghị.

## Nâng cao kỹ năng tin học văn phòng song hành với chuyển đổi số

DNH kết hợp với VCCI chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh tổ chức khóa đào tạo Kỹ năng soạn thảo văn bản, viết báo cáo hiệu quả cho CB.CNV trong Công ty. Đây là một trong những khóa học thuộc chương trình nâng cao kỹ năng tin học văn phòng và kỹ năng quản lý trong năm 2021. Trong những năm gần đây, công tác chuyển đổi số tiếp tục được Công ty thực hiện, tập trung vào việc số hóa tài liệu và ứng dụng thành quả của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 vào công tác điều hành sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

## Tăng cường công tác đảm bảo an ninh nhà máy điện

Công ty đã phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận trong việc cung cấp thông tin chi tiết, lập phương án bảo vệ nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và giải quyết khi có tình huống xảy ra tại các vị trí công trình. Từ đó đảm bảo các nhà máy điện của DNH luôn được vận hành an toàn, hiệu quả.

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dựa theo tình hình thuận lợi và khó khăn trong năm 2021 cùng với tình hình thực tế tại Công ty trong thời gian qua; Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và đề ra phương hướng thực hiện cụ thể như sau:

## Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng vốn CSH bình quân	6.199.796.263.307
2	Doanh thu thuần	2.106.975.000.000
3	Doanh thu thực hiện	2.191.059.000.000
4	Tổng chi phí	1.082.040.958.018
5	Lợi nhuận trước thuế	1.109.018.041.982
6	Lợi nhuận sau thuế	887.214.433.586

Kế hoạch năm 2022 đề ra nhiều thử thách cho toàn thể lãnh đạo và người lao động. Ngoài nhiệm vụ đảm bảo các hệ thống thiết bị công trình vận hành an toàn, hiệu quả đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh, cố gắng đạt kỳ vọng của cổ đông, DNH tập trung quyết toán hoàn thành Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 1 và chuẩn bị các thủ tục triển khai Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2. Theo kế hoạch năm 2022, Công ty đăng ký sản xuất 2,443 tỷ kWh, thực hiện 12 hạng mục sửa chữa lớn, 09 hạng mục mua sắm tài sản cố định.

## Biện pháp thực hiện các mục tiêu đề ra

### Tăng cường năng lực quản lý của Ban lãnh đạo trong việc dẫn dắt và phát triển Công ty

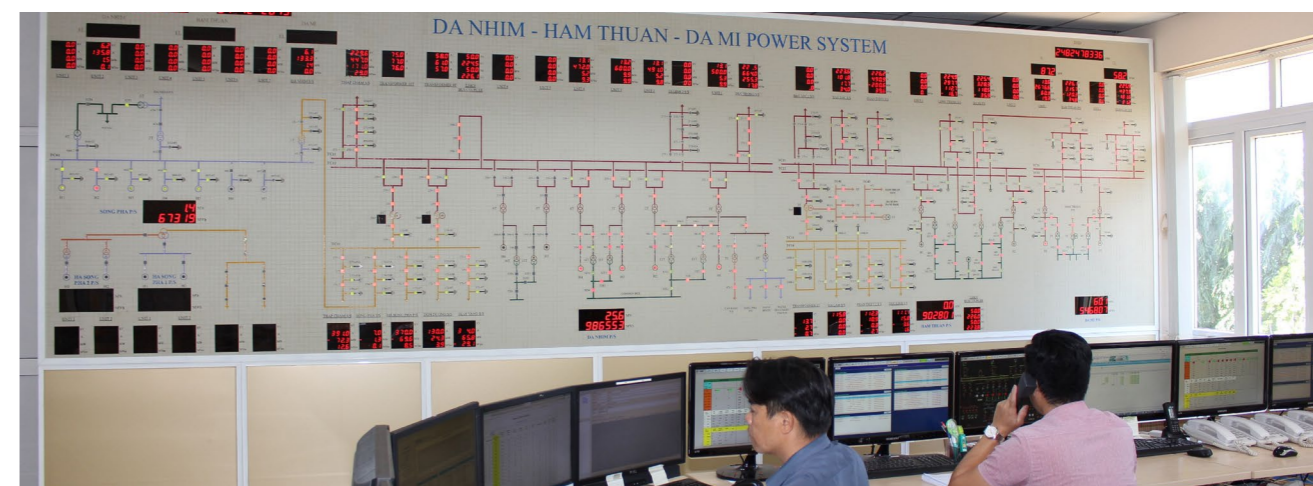
- Tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường kinh doanh truyền thống; tăng cường tiếp cận các dự án, công trình của các chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu.
- Ban lãnh đạo tạo mối quan hệ lành mạnh với các cơ quan chính quyền, chức năng địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi công các công trình trong khu vực, đảm bảo lợi ích, quyền lợi giữa các bên.

### Ban lãnh đạo tích cực hợp tác trong việc tạo dựng tài sản, việc làm và cân bằng tài chính của Công ty

- Xây dựng hệ thống phân bổ ngân sách công khai, kinh phí đầu tư được dự toán và phân bổ đúng trọng tâm.
- Duy trì đòn bẩy tài chính hợp lý, quản trị dòng tiền hiệu quả, và tạo ra doanh thu ổn định.

### Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động

- Chú trọng công tác hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ các định mức, nhân công, ca máy... để đảm bảo và quản lý tốt hoạt động sản xuất, thi công.
- Tổ chức triển khai thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành các tổ máy phát điện nhằm tăng hiệu quả vận hành tối đa của thiết bị và giảm chi phí trong việc sửa chữa, bảo dưỡng; áp dụng sửa chữa.
- Tích cực tham gia thị trường điện, thực hiện chào giá hiệu quả nhằm tăng thêm doanh thu từ thị trường điện
- Thực hiện tiết kiệm chi phí trong sản xuất; tổ chức mua sắm tập trung; tổ chức đấu thầu/chào hàng rộng rãi qua mạng, hạn chế tối đa chỉ định thầu hoặc mua sắm trực tiếp trong công tác đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị;
- Xây dựng định mức vật tư thiết bị dự phòng cho sản xuất điện, sử dụng hiệu quả vật tư thiết bị tồn kho;
- Phối hợp Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, sẵn sàng phát điện và cấp nước các vùng hạ du trong mùa khô 2022.



## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)

### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty đang vận hành nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi với tổng công suất 475MW. Kể từ khi vận hành vào năm 2001, nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi là nguồn cung cấp nước chính cho địa bàn hai huyện Đức Linh và Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận với diện tích sản xuất nông nghiệp hơn 17.000 ha. Trong năm 2021, nguồn nước từ công trình thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi đã đáp ứng 100% nhu cầu sản xuất nông nghiệp tại huyện Đức Linh và Tánh Linh tỉnh Bình Thuận.

Nhằm chủ động trong việc vận hành phát điện kết hợp cấp nước hạ du trong mùa khô 2021, Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và Lãnh đạo Sở NN&PTNT Bình Thuận, Chi cục Thủy lợi Bình Thuận, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận, UBND huyện Đức Linh, UBND huyện Tánh Linh đã tổ chức cuộc họp thống nhất kế hoạch cấp nước hạ du trong mùa khô năm 2021. Với công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2021, Công

ty đã phối hợp với các Phòng chức năng của các huyện Hàm Thuận Bắc, Tánh Linh và Đức Linh tỉnh Bình Thuận tiến hành kiểm tra hiện trạng dòng chảy thoát lũ sông La Ngà theo Nghị định 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.



### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiếp theo)

Vào lúc 06 giờ 00 ngày 25 tháng 10 năm 2021, mực nước hồ Hàm Thuận đạt cao trình 604,988 m, lưu lượng về hồ 204 m<sup>3</sup>/s, lưu lượng xả qua tràn 100 m<sup>3</sup>/s, lưu lượng chạy máy 125 m<sup>3</sup>/s và mực nước tại trạm thủy văn Tà Pao đạt 119,42 m (báo động 1 là 119,0 m). Nhằm chủ động phòng ngừa trước tình hình thời tiết đang diễn biến bất thường, DNH đã tăng lưu lượng xả qua đập tràn hồ Hàm Thuận từ 100 m<sup>3</sup>/s lên 150 m<sup>3</sup>/s từ 10 giờ 00 phút ngày 25/10/2021 và điều chỉnh tăng tùy theo diễn biến tình hình thời tiết trên lưu vực hồ chứa.

Hồ Đơn Dương xuất hiện cơn lũ số 1 năm 2021 vào lúc 12 giờ 00 ngày 11/11 khi mực nước hồ đang ở cao trình 1041,695m. Đến 19 giờ cùng ngày, cơn lũ đạt đỉnh với lưu lượng 442m<sup>3</sup>/s. DNH tiến hành xả điều tiết qua đập tràn Đơn Dương với lưu lượng lớn nhất 350m<sup>3</sup>/s, bằng 79,20% đỉnh lũ. Đến ngày 12/11, sau khi cắt được đỉnh lũ, Công ty đã giảm dần lưu lượng xả qua đập Đơn Dương.

Các thông báo tăng, giảm lưu lượng xả cũng được phát trên kênh truyền thanh, truyền hình của Trung tâm Văn hóa thông tin huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng để cung cấp thông tin kịp thời đến chính quyền và nhân dân các huyện Đơn Dương và Đức Trọng nhằm chủ động trong công tác đảm bảo an toàn cho hạ du.



# BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)

## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh nỗ lực sản xuất kinh doanh, hằng năm, Công ty đã thực hiện nhiều công tác hỗ trợ cộng đồng thông qua nhiều chương trình từ thiện – xã hội ý nghĩa.

- Hưởng ứng lời kêu gọi của Hội Chữ thập đỏ thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, người lao động Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tham gia hiến 20 đơn vị máu nhân ngày hội hiến máu “Xuân hồng yêu thương” tại thành phố Bảo Lộc.
- Mỗi dịp xuân về, Đoàn Thanh niên kết hợp cùng Công đoàn Công ty lại thực hiện chương trình “Xuân yêu thương, Tết ấm lòng” nhằm trao quà Tết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn có trụ sở, nhà máy điện của Công ty đang đóng chân. Đây là hoạt động thường niên nhằm hỗ trợ các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn những món quà nhỏ, giúp đỡ phần nào các hộ dân đón Tết thêm đầm ấm. Chương trình này càng thêm ý nghĩa khi cả nước đã trải qua một năm đầy biến động bởi dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trên toàn thế giới khiến cuộc sống ngày càng khó khăn hơn.
- Ngày 23/5/2021 diễn ra cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội toàn quốc khóa XV và bầu cử Đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp (nhiệm kỳ 2021 - 2026). Thực hiện sự chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty Phát điện 1 (EVNGENCO1), Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã triển khai nhiều giải pháp vận hành các nhà máy an toàn, đảm bảo nguồn điện phục vụ bầu cử.



## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Toàn bộ Lãnh đạo và người lao động trong Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo Chỉ thị 01/CT-TTg ngày 05/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản của Tổng công ty Phát điện 1 về việc thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Nhằm giảm nguy cơ lây lan theo khuyến cáo của Chính phủ, Công ty yêu cầu tất cả Lãnh đạo và toàn bộ Người lao động không di chuyển ra khỏi địa bàn hoạt động của Công ty, không tiếp xúc gần với người đến từ các vùng có dịch, bệnh. Trong trường hợp đặc biệt, Công ty tổ chức đưa đón, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định về công tác phòng, chống Covid-19 và sắp xếp làm việc từ xa.

Công ty có địa bàn hoạt động trên ba tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận và Bình Thuận, việc tiêm vắc xin cho CB.CNV được thực hiện đồng bộ với kế hoạch chung của địa phương. Đến giữa tháng 8/2021, đã có 241/252 CB.CNV Công ty đã được tiêm mũi 1 vắc-xin và 52/252 CB.CNV đã được tiêm mũi 2. Đối với nhân viên dịch vụ thuê ngoài, Công ty đã đăng ký và tiêm mũi 1 cho 35/61 người. Do số lượng phân bổ vắc xin theo từng đợt nên việc tiêm vắc xin sẽ được triển khai trước cho các CB.CNV trực tiếp thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ huy, vận hành, sửa chữa, các CB.CNV thường xuyên phải đi công tác tại các tỉnh, thành phố khác... cho đến khi toàn bộ CBCNV của Công ty được tiêm đủ liều theo quy định. Hiện nay, toàn bộ CB.CNV đã được tiêm đủ liều vắc xin theo quy định.

Mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, Công ty vẫn chú trọng việc tổ chức và tạo điều kiện cho CB.CNV tham gia các hoạt động như: tham dự Hội thao Tổng công ty Phát điện 1 năm 2021, hội thao chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3 của Công ty,...







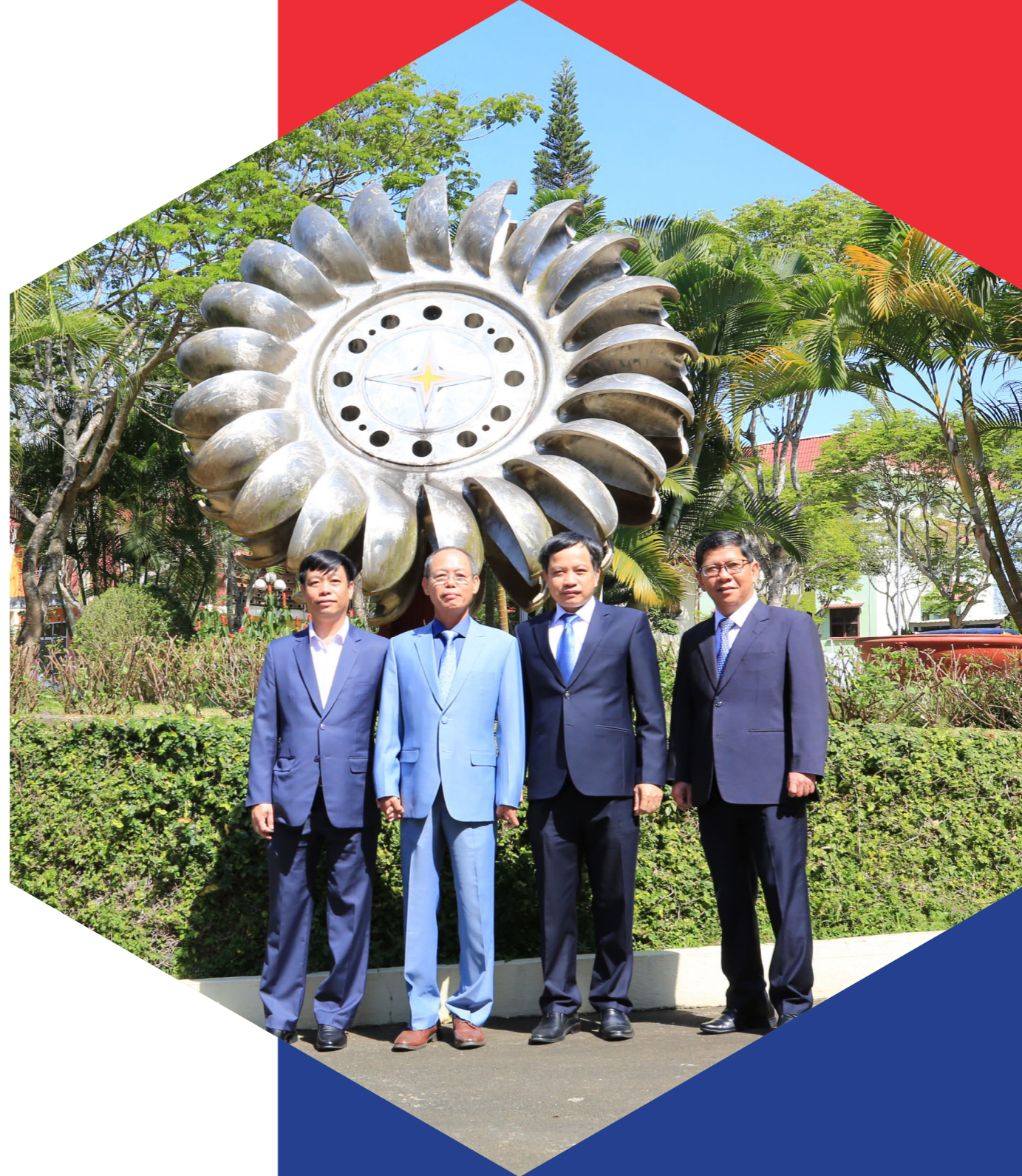
**EVN HPC DHD**

**PHẦN IV**  
**BÁO CÁO CỦA**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Đánh giá của HĐQT về các mặt  
hoạt động của Công ty**

**Đánh giá của HĐQT về các mặt  
của Ban Tổng Giám đốc**

**Kế hoạch của HĐQT**



# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong số các doanh nghiệp ngành thủy điện trên sàn, năm 2021 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tiếp tục giữ vững đà phát triển với cả doanh thu và lợi nhuận tăng mạnh. Kết quả kinh doanh, lũy kế 9 tháng đầu năm 2021 doanh thu DNH đạt 1.651 tỷ đồng, tăng trưởng 30% so với cùng kỳ năm 2020 và hoàn thành 90% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 873 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 73% so với lợi nhuận đạt được 9 tháng đầu năm ngoái và vượt 35,5% chỉ tiêu lợi nhuận được giao cho cả năm. Đến quý 4 Công ty đã lãi kỷ lục trên 500 tỷ đồng, gấp 3,2 lần cùng kỳ.

Tính chung cả năm 2021 doanh thu Công ty đạt 2.476 tỷ đồng, tăng 47% so với năm trước đó. Lợi nhuận sau thuế gấp đôi cùng kỳ, lên 1.374 tỷ đồng và vượt 113% chỉ tiêu lợi nhuận được giao cho cả năm. Nguyên nhân chính khiến doanh thu và lợi nhuận tăng mạnh do tình hình thủy văn trên lưu vực các hồ Đơn Dương, Hàm Thuận tương đối thuận lợi, lưu lượng nước về đều cao hơn năm 2020 và trung bình nhiều năm. Trong đó, lưu lượng về hồ Đơn Dương đạt 28,36m<sup>3</sup>/s và hồ Hàm Thuận đạt 56,26m<sup>3</sup>/s.

## Công tác đầu tư xây dựng - đầu tư phát triển

Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim đã hoàn thành toàn bộ công trình, tổ máy H5 Đa Nhim đã phát đủ công suất thiết kế (80MW) vào ngày 04/8/2021 góp phần tăng sản lượng của toàn Công ty. Với tổng công suất 770MW, trong năm 2021 Công ty ĐHD sản xuất được 3,050 tỷ kWh, đạt 122,60 % kế hoạch.

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các tổ máy trong năm qua được Công ty thực hiện tốt, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đều đạt yêu cầu. Trong đó, tỉ lệ điện tự dùng chỉ đạt 83,84% kế hoạch, hệ số khả dụng đạt 96,85%, tỉ lệ dừng máy sự cố chỉ đạt 0,74% kế hoạch và tỉ lệ dừng máy bảo dưỡng đạt 77,77% kế hoạch.

## Công tác chuyển đổi số

Chương trình chuyển đổi số đang được triển khai mạnh mẽ và ứng dụng vào công tác điều hành tại Công ty đã nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Trong năm 2021, công tác đấu thầu và chào hàng cạnh tranh qua mạng được Công ty triển khai triệt để với tỷ lệ 18/18 gói thầu sửa chữa lớn, tiết giảm 14,4% chi phí và 50/50 gói thầu sản xuất kinh doanh khác, tiết giảm 19,1% chi phí.

## Công tác chi trả cổ tức

Ngày 26/1/2022, Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi tiến hành chốt danh sách cổ đông chi tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền. Tỷ lệ chi trả 14%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận về 1.400 đồng. Thời gian thanh toán 25/2/2022. Với 422,4 triệu cổ phiếu đang niêm yết và lưu hành, DNH sẽ chi khoảng 591,4 tỷ đồng tạm ứng cổ tức đợt này cho cổ đông.



# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HĐQT Công ty đánh giá cao về các mặt hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2021. Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng rất nặng nề do dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã có những nỗ lực vượt khó trong công tác quản lý điều hành, thực hiện các chỉ đạo và tham mưu kịp thời cho HĐQT trong việc điều chỉnh các chỉ trương, định hướng hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn một cách nhanh chóng. Điều này đã góp phần cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt và vượt kế hoạch mà HĐQT đã đề ra.



Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế phân cấp giữa HĐQT và Tổng giám đốc Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và các Quy chế, quy định của Công ty đã được ban hành.



Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân phối điện, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, tăng cường công tác quản lý vận hành lưới điện, nâng cao tinh thần và trách nhiệm của người lao động. Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn cho người lao động trong sản xuất. Đã có nhiều nỗ lực trong việc đảm bảo cấp điện an toàn, liên tục và đáp ứng kịp thời nhu cầu về điện cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.



Trong công tác kinh doanh điện năng, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng đội ngũ CB.CNV và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Triển khai nhiều hoạt động thiết thực trong công tác chăm sóc khách hàng. Đặc biệt, thực hiện tốt chính sách giá điện theo quy định của Chính phủ. Thực hiện tốt triển khai dịch vụ công, dịch vụ về điện trên Cổng thông tin điện tử quốc gia..



Trong hoạt động đầu tư xây dựng/sửa chữa lớn tài sản cố định, Ban Tổng Giám đốc đã có những chỉ đạo quyết liệt yêu cầu các đơn vị lập tiến độ thi công chi tiết, phối hợp đồng bộ lịch cắt điện thi công, đã có tiến bộ hơn so với năm 2020.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Tăng cường kỷ luật trong quản lý vận hành và quản lý kỹ thuật, đảm bảo các tổ máy phát điện ở trạng thái sẵn sàng tham gia phát điện; đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản lượng điện, hoàn thành các chỉ tiêu kỹ thuật, tài chính đề ra.

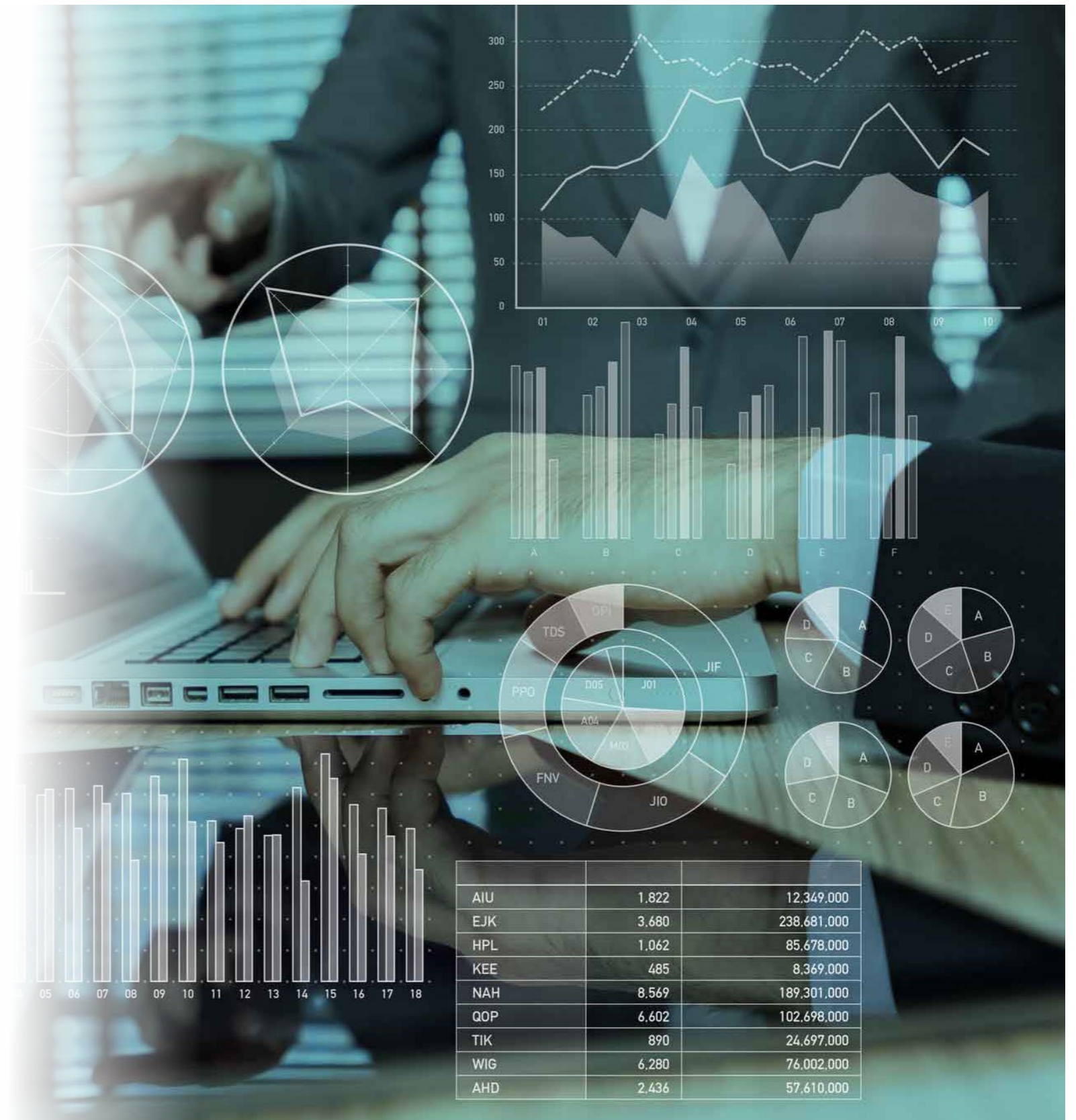
Công ty tổ chức theo dõi chặt chẽ tình trạng thiết bị công trình, đề ra biện pháp phòng ngừa hiệu quả các nguy cơ xảy ra sự cố; nâng cao chất lượng sửa chữa lớn; tích cực tham gia thị trường điện, thực hiện chào giá hiệu quả; phối hợp Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, sẵn sàng phát điện và cấp nước các vùng hạ du trong mùa khô 2022.

Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động; tối ưu hóa chi phí theo chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Xây dựng lực lượng nhân lực kế thừa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị của Công ty. Trong đó, tập trung vào công tác xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, chất lượng cao; đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng thành quả của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 vào sản xuất kinh doanh.

Theo đó, Công ty tăng cường sử dụng tối ưu các nguồn nhân vật lực, tạo ra nhiều giá trị gia tăng; quản lý chặt chẽ lực lượng lao động; bố trí, phân bổ lực lượng lao động hợp lý, phù hợp với công việc để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh; thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành các tổ máy phát điện nhằm tăng hiệu quả vận hành tối đa của thiết bị và giảm chi phí trong bảo dưỡng sửa chữa.

Hoàn thiện công tác quản trị nội bộ, thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; bảo đảm trật tự, an ninh khu vực.





**EVN HPC DHD**

## **PHẦN V** **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và lợi ích

Quản trị Công ty 2021



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Lê Văn Quang	Quyền Chủ tịch HĐQT (từ 28/02/2022 đến nay) Thành viên HĐQT (từ 10/2011 đến 28/02/2021)	4/4	100%
2	Ông Nguyễn Trọng Oánh	Chủ tịch HĐQT (07/2017 - 28/02/2022)	4/4	100%
3	Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT (từ 28/02/2022 đến nay)	4/4	100%
4	Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT	4/4	100%

## Ông NGUYỄN TRỌNG OÁNH

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
7/2017 - 28/02/2022

Năm sinh:	1964
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư thiết bị nhà máy điện
Số cổ phần sở hữu:	400 cổ phần
Số cổ phiếu đại diện của EVNGENCO1:	189.946.395 cổ phiếu (tính đến ngày 31/12/2021)
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	Ủy viên HĐQT các Công ty: CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha, CTCP Phong điện Thuận Bình, CTCP Thủy điện A Vương.

### Quá trình công tác

- Từ 11/1985 đến 12/1992: Kỹ sư điện - NMTĐ Trị An
- Từ 01/1993 đến 6/1993: Đốc công Phân xưởng Cơ điện - NMTĐ Trị An
- Từ 9/1993 đến 12/1994: Kỹ sư điện - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 12/1994 đến 10/1995: Phó Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 11/1995 đến 01/2000: Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 02/2000 đến 12/2000; Phó Giám đốc - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 01/2001 đến 8/2006: Giám đốc - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 9/2006 đến 8/2007: Phó Trưởng ban QLDA NMTĐ Sơn La kiêm Trưởng ban CBSX NMTĐ Sơn La
- Từ 9/2007 đến 9/2011: Giám đốc - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 10/2011 đến 6/2017: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 7/2017 đến 28/02/2022: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Ông Nguyễn Trọng Oánh thôi giữ chức thành viên HĐQT từ 28/02/2022

## Ông Lê Văn Quang - Chủ tịch HĐQT từ 28/02/2022

Xem lý lịch tại mục Lý lịch Ban điều hành trang 27

## Ông Đỗ Minh Lộc - Thành viên HĐQT kiêm Quyền Tổng Giám đốc từ 01/03/2022

Xem lý lịch tại mục Lý lịch Ban điều hành trang 29

## Ông Đặng Văn Cường

**Thành viên Hội đồng quản trị**  
từ ngày 28/02/2022

Năm sinh:	1967
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Điện khí hóa & Cung cấp điện
Số cổ phần sở hữu:	Không
Số cổ phiếu đại diện của EVNGENCO1:	Không
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	Phó Giám đốc Công ty Thủy điện Đại Ninh

### Quá trình công tác

- Từ 09/1992 đến 03/1996: Kỹ sư Tổ Thí nghiệm điện, Nhà máy thủy điện Đa Nhim
- Từ 04/1996 đến 09/1997: Trưởng ca tập sự, Nhà máy thủy điện Đa Nhim
- Từ 09/1997 đến 11/1999: Trưởng ca Vận hành, Nhà máy thủy điện Đa Nhim
- Từ 12/1999 đến 06/2001: Kỹ sư, Ban Chuẩn bị sản xuất Nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 07/2001 đến 12/2002: Phó Quản đốc PXSC2, Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 12/2002 đến 08/2007: Quản đốc PXSC2, Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 08/2007 đến 09/2007: Phó Trưởng Ban Chuẩn bị sản xuất, Nhà máy thủy điện Đại Ninh
- Từ 09/2007 đến nay: Phó Giám đốc, Công ty thủy điện Đại Ninh
- Từ 29/10/2007: Phó Bí thư chi bộ, Công ty thủy điện Đại Ninh
- Ông Nguyễn Văn Cường là thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi từ ngày 28/02/2022

## Đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm

- HĐQT thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc công tác quản trị doanh nghiệp, đầu tư xây dựng, phát triển kinh doanh chiến lược nhân sự theo đúng phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT dựa theo quy chế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- HĐQT duy trì họp định kỳ mỗi quý một lần theo quy định của Luật Chứng Khoán để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia của Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát. Công bố thông tin một cách công bằng, minh bạch, đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và cho Công ty trên phương diện pháp luật hiện hành.
- HĐQT hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm của từng thành viên, nâng cao vai trò tham mưu của các cấp lãnh đạo và các đơn vị trực thuộc. Các thành viên HĐQT hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa vì lợi ích của Công ty và người lao động.

## Danh sách Nghị quyết của HĐQT năm 2021

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	6/NQ-HĐQT	11/01/2021	Chi trả cổ tức năm 2020 đợt 1.
2	8/NQ-HĐQT	14/01/2021	Chi trả cổ tức năm 2020 đợt 1 (Thay thế cho Nghị quyết số 6).
3	9/QĐ-HĐQT	19/01/2021	Ban hành lần 4 Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị.
4	10/QĐ-HĐQT	25/01/2021	Phê duyệt chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
5	14/NQ-HĐQT	02/02/2021	Thông qua định mức chi tiết sửa chữa lớn thiết bị cơ - thủy lực các nhà máy thủy điện Đa Nhim, Hàm Thuận, Đa Mi.
6	15/QĐ-HĐQ	02/02/2021	Hủy thầu và phương án lựa chọn nhà thầu tiếp theo Gói thầu: Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận.
7	16/QĐ-HĐQT	03/02/2021	Ban hành bộ định mức chi tiết sửa chữa lớn thiết bị cơ - thủy lực các nhà máy thủy điện Đa Nhim, Hàm Thuận, Đa Mi.
8	17/QĐ-TĐĐHĐ	04/02/2021	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Dự toán "Các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2021".
9	20/QĐ-HĐQT	18/02/2021	Thành lập Tổ thẩm định khối lượng, dự toán công tác thử nghiệm hệ thống điều tốc và hệ thống kích từ tổ máy H5 công suất 80MW theo yêu cầu tại Quyết định số 25/QĐ-ĐTĐL ngày 26/3/2019 Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.
10	22/NQ-HĐQT	24/02/2021	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Dự toán "Các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2021".
11	24/NQ-HĐQT	25/02/2021	Thông qua thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
12	28/NQ-HĐQT	03/03/2021	Thông qua khối lượng, dự toán công tác thử nghiệm hệ thống điều tốc và hệ thống kích từ tổ máy H5 Đa Nhim công suất 80MW.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
13	37/QĐ-HĐQT	15/3/2021	Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và Ứng dụng công nghệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
14	44/ NQ-HĐQT	30/03/2021	Kiện toàn tổ chức và nhân sự của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.
15	47/ NQ-HĐQT	01/4/2021	Thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình.
16	52/ NQ-HĐQT	06/4/2021	Họp Hội đồng quản trị phiên họp lần 1 năm 2021.
17	56/ NQ-HĐQT	23/4/2021	Phê duyệt bổ sung giá trị dự phòng cho Dự toán gói thầu 12 - (DNEC1): Giám sát thi công xây lắp và thông qua Phụ lục số 5 của Hợp đồng số 222/TD-DH-NK&PECC3&NKV ngày 08/7/2015.
18	57/NQ-HĐQT	23/4/2021	Thay đổi kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
19	61/QĐ-HĐQT	28/4/2021	Phê duyệt quyết toán tiền nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm 2020.
20	62/QĐ-HĐQT	28/4/2021	Phê duyệt quyết toán tiền nhân công sửa chữa lớn tự làm năm 2020.
21	64/NQ-HĐQT	04/5/2021	Thông qua Hồ sơ mời thầu "Các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2021".
22	65/NQ-HĐQT	10/5/2021	Nâng bậc lương đối với chức danh Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc.
24	68/NQ-HĐQT	14/5/2021	Thông qua Phụ lục số 8 của Hợp đồng số 353/DHD-MC, GPIL and AHF ngày 21/11/2016, Gói thầu số 12.03 - (DNE-D3): Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ điện thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.
25	69/NQ-HĐQT	16/5/2021	Thông qua các nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2021 bổ sung của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình.
26	70/NQ-HĐQT	18/5/2021	Thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha.
27	77/NQ-HĐQT	28/5/2021	Thay đổi kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.



## Danh sách Nghị quyết của HĐQT năm 2021

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
28	78/NQ-HĐQT	02/6/2021	Thông qua Hồ sơ mời thầu và Dự toán Các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2021.
29	81/QĐ-HĐQT	07/6/2021	Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của người lao động.
30	85/NQ-HĐQT	08/6/2021	Họp Hội đồng quản trị phiên họp lần 2 năm 2021.
32	100/NQ-HĐQT	11/6/2021	Thông qua Hồ sơ mời thầu hiệu chỉnh Gói thầu "Cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống điều tốc tổ máy H2 Nhà máy Thủy điện Đa Mi" và gói thầu "Cung cấp, lắp đặt thiết bị điều tốc các tổ máy Sông Pha", thuộc các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2021.
33	02/NQ-HĐQT	16/6/2021	Khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích cao trong phong trào thi đua hoàn thành Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim.
34	104/QĐ-HĐQT	16/6/2021	Quyết định ban hành quy định làm việc của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và Ứng dụng công nghệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
35	111/NQ-HĐQT	30/6/2021	Thông qua Hồ sơ mời thầu hiệu chỉnh Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Đa Mi thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2021.
36	112/QĐ-HĐQT	02/7/2021	Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty lần 3.
37	113/QĐ-HĐQT	02/7/2021	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
38	114/NQ-HĐQT	01/7/2021	Nghị quyết về việc bổ nhiệm cán bộ trong Công ty (ông Ngô Thế Long).
39	116/NQ-HĐQT	06/7/2021	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2020 đợt cuối.
40	123/NQ-HĐQT	13/7/2021	Nghị quyết về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm phân phối và rơ le bảo vệ thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2021.
41	124/NQ-HĐQT	13/7/2021	Nghị quyết về việc thông qua Hồ sơ mời thầu và Dự toán hiệu chỉnh Gói thầu số 1: Cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống điều khiển Nhà máy Thủy điện Đa Mi, thuộc các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2021.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
42	25/QĐ-HĐQT	15/7/2021	Quyết định về kế hoạch luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ diện Công ty quản lý giai đoạn 2021- 2026.
43	26/QĐ-HĐQT	15/7/2021	Quyết định xếp lương đối với ông Phạm Viết Kỳ - Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách.
44	35/NQ-HĐQT	21/7/2021	Nghị quyết về việc bổ nhiệm các chức danh đối với nhân sự thuộc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.
45	137/NQ-HĐQT	27/7/2021	Nghị quyết về việc thông qua ban hành lần 2 Quy chế phân phối lương sản xuất điện.
46	40/QĐ-HĐQT	28/7/2021	Quyết định về việc ban hành ban hành lần 2 Quy chế phân phối lương sản xuất điện.
47	40.1/NQ-HĐQT	28/7/2021	Nghị quyết về việc thông qua chương trình thí nghiệm chạy thử và vận hành khai thác tổ máy H5 - 80MW Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.
48	42/NQ-HĐQT	03/8/2021	Nghị quyết về việc thông qua sử dụng vốn Chủ đầu tư để thanh toán cho nhà thầu, gia hạn thời gian giải ngân và hiệu chỉnh một số nội dung của Hiệp định vay vốn số VN13-P1 ngày 28/02/2014 Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.
49	43/NQ-HĐQT	06/8/2021	Nghị quyết về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp các loại máy đo, thiết bị thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2021.
50	152/NQ-HĐQT	23/8/2021	Nghị quyết về việc thông qua danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống điều tốc tổ máy H2 Nhà máy Thủy điện Đa Mi, thuộc các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2021.
51	156/NQ-HĐQT	25/8/2021	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị phiên họp lần 03 năm 2021.
52	159/NQ-HĐQT	31/8/2021	Nghị quyết về việc thông qua định mức vật tư thiết bị dự phòng các nhà máy thủy điện Đa Nhim, Hàm Thuận, Đa Mi.



## Danh sách Nghị quyết của HĐQT năm 2021 (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
53	160/NQ-HĐQT	01/9/2021	Nghị quyết về việc thông qua danh mục sửa chữa lớn thiết bị, công trình năm 2022 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
54	161/NQ-HĐQT	06/9/2021	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 10 của Hợp đồng số 368/DHD-CC47.
55	162/NQ-HĐQT	06/9/2021	Nghị quyết về việc thông qua danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Đa Mi, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2021.
56	163/NQ-HĐQT	08/9/2021	Nghị quyết về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị điều thế các tổ máy Sông Pha thuộc các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2021.
57	181/QĐ-HĐQT	06/10/2021	Quyết định về việc bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
58	183/NQ-HĐQT	07/10/2021	Nghị quyết về việc bổ nhiệm lại cán bộ trong Công ty năm 2021.
59	185/NQ-HĐQT	13/10/2021	Nghị quyết về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống điều tốc tổ máy H2 Nhà máy Thủy điện Đa Mi, thuộc các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2021.
60	187/QĐ-HĐQT	20/10/2021	Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự toán chi phí bổ sung hợp đồng số 12/DHD- NARIME-COMA.
61	188/QĐ-HĐQT	25/10/2021	Quyết định về việc dự toán chi phí bổ sung hợp đồng số 12/DHD-NARIME-COMA để thi công gói thầu số 12.02-(DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.
62	191/NQ-HĐQT	28/10/2021	Nghị quyết về việc thông qua Quy chế Công bố thông tin lần 02.
63	192/QĐ-HĐQT	01/11/2021	Quyết định về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin lần 02.
64	193/QĐ-HĐQT	01/11/2021	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi.
65	195/NQ-TĐĐHĐ	05/11/2021	Nghị quyết về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Đa Mi.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
66	196/NQ-TĐĐHĐ	05/11/2021	Nghị quyết về việc thông qua đơn giá nhân công sửa chữa.
67	199/NQ-HĐQT	10/11/2021	Nghị quyết Hợp Hội đồng quản trị phiên họp lần 4 năm 2021.
68	200/NQ-HĐQT	11/11/2021	Nghị quyết thông qua chủ trương về công tác cán bộ.
69	203/NQ-HĐQT	15/11/2021	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 4 của Hợp đồng số 12/DHD- NARIME&COMA ngày 15 tháng 01 năm 2016 về việc cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công của gói thầu 12.02 - (DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công.
70	204/NQ-TĐĐHĐ	17/11/2021	Nghị quyết về việc thông qua danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống điều khiển Nhà máy Thủy điện Đa Mi, thuộc các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2021.
71	206/QĐ-HĐQT	23/11/2021	Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định khối lượng bổ sung hợp lý và dự toán chi phí Tư vấn giám sát (tháng 2 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021) để thực hiện Gói thầu 12.00 - (DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.
72	208/NQ-HĐQT	26/11/2021	Nghị quyết về việc ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha.
73	209/NQ-HĐQT	30/11/2021	Nghị quyết về việc ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (thay thế Nghị quyết số 208/NQ-HĐQT ngày 26/11/2021).
74	211/NQ-HĐQT	30/11/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt khối lượng bổ sung hợp lý, dự toán chi phí Tư vấn giám sát (tháng 02 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021) và thông qua Phụ lục số 6 của Hợp đồng số 222/TDDHD- NK&PECC3&NKV ngày 08 tháng 7 năm 2015 để thực hiện Gói thầu 12 - (DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp, Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.
75	1323/NQ-HĐQT	30/12/2021	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2022 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.



# BAN KIỂM SOÁT

## Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Đăng Dung	Trưởng ban	2/3	66,66%	Tham gia BKS từ ngày 30/6/2021
2	Ông Hoàng Văn Long	Thành viên	3/3	100%	-
3	Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên	2/3	66,66%	Tham gia BKS từ ngày 30/6/2021
4	Ông Ngô Thế Long	Trưởng ban	1/3	33,33%	Thôi nhiệm vụ BKS từ ngày 30/6/2021
5	Bà Bùi Thị Thu Trang	Thành viên	1/3	33,33%	Thôi nhiệm vụ BKS từ ngày 30/6/2021

## Hoạt động của Ban kiểm soát

Dù ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, trong năm 2021 Ban kiểm soát vẫn tổ chức 03 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên thành viên. Nội dung của các cuộc họp nhằm xem xét, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021 và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.

Bên cạnh đó, BKS thường xuyên thông tin, trao đổi với nhau để các thành viên cùng phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ. BKS đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban TGD Công ty trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn của mình:

Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành; việc triển khai thực hiện nội dung trong Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị HĐQT đã ban hành;

- Giám sát tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty;
- Thẩm định số liệu báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu BCTC, giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập khuyến nghị;
- Thẩm định kế hoạch và thực hiện quỹ tiền lương của Công ty;
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty trên Website của Công ty; Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Ủy ban chứng khoán Nhà nước ... theo các quy định của pháp luật, giám sát việc tổ chức ĐHĐCĐ.
- Phối hợp với các Phòng ban chức năng thực hiện công tác kiểm soát nội bộ trong Công ty; Giám sát việc thực hiện các ý kiến khắc phục của các Đoàn thanh tra, kiểm toán, kiểm soát tại Công ty.

## Hoạt động của HĐQT

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty. HĐQT đã nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua.
- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kì hàng quý theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty; nội dung trong cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận một cách thẳng thắn, dân chủ và được thông qua khi đa số thành viên chấp nhận. Những nội dung thông qua trong cuộc họp được ban hành bằng các Nghị quyết/Quyết định đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- HĐQT đã chỉ đạo, định hướng Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Công ty.

## Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Trong năm 2021, mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Ban Tổng Giám đốc đã tham mưu kịp thời để HĐQT điều chỉnh các định hướng, chủ trương hoạt động của Công ty phù với tình hình mới.
- Ban TGD đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, tăng cường công tác quản lý vận hành nhà máy điện, công tác đầu tư xây dựng, công tác kinh doanh dịch vụ khách hàng,...
- Ban TGD đã chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm tập thể và cá nhân, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ và HĐQT giao cho nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông.
- Ban TGD đang thực hiện nhiệm vụ đúng phạm vi trách nhiệm và quyền hạn theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty và Quy chế phân cấp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc,...

## Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát, HĐQT và Ban TGD đã duy trì sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty, của các cổ đông nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- HĐQT phối hợp cùng với BKS lập các kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động của ban điều hành và các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện chủ trương chỉ đạo của HĐQT thông qua các đợt kiểm tra, giám sát chuyên đề. Từ đó, phát hiện các vướng mắc, sai sót để kịp thời chấn chỉnh, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- BKS đã được HĐQT, Ban TGD mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban và các cuộc họp quan trọng khác.
- BKS được tạo mọi điều kiện để thực hiện các chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH

### Hợp đồng giao dịch với các bên liên quan

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị (đồng)
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Công ty con	2021	Hợp đồng cung cấp thông tin vận hành năm 2021 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	266.101.000
				Hợp đồng hỗ trợ vận hành Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 2 năm 2021	446.688.000
				Hợp đồng kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và xử lý sự cố hệ thống thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2 năm 2021	459.074.000

### Giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ

Không phát sinh

### Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương, thưởng, thù lao (đồng)	Các lợi ích khác
<b>I Hội đồng quản trị</b>			
	Nguyễn Trọng Oánh	1.003.986.456	-
<b>II Ban Kiểm soát</b>			
	Thành viên trong Ban Kiểm soát	1.123.439.400	-
<b>III Nhân sự quản lý chủ chốt của Nhóm Công ty</b>			
	Tổng Giám đốc	965.007.456	-
	Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc	1.711.571.844	-
<b>IV Tổng cộng</b>		<b>4.804.005.156</b>	-

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH

## Các giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Giá trị 2021 (đồng)	Giá trị 2020 (đồng)
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt nam</b>		
- Mua điện	3.539.680.411	3.500.856.770
- Chi phí lãi vay	349.278.587	10.543.875.442
- Trả nợ gốc vay	25.194.977.015	433.698.824.858
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 1</b>		
- Thu nhập lãi cho vay	60.017.182.224	71.620.714.107
- Chi hộ	-	222.432.861
- Chia cổ tức	675.364.960.000	1.013.047.440.000
- Cho vay	-	500.000.000.000
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha</b>		
- Cung cấp dịch vụ	1.065.330.000	276.000.000.
- Cổ tức được chia	3.360.000.000	-
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình</b>		
Cổ tức được chia		4.888.900.000
Góp vốn	45.000.000.000	22.400.000.000.
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Mua Bán Điện- Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
- Bán điện	2.382.885.316.248	1.606.097.833.456
<b>Tổng Công ty điện lực Miền Nam</b>		
- Bán điện	82.112.262.470	69.166.881.191

Các bên liên quan	Giá trị 2021 (đồng)	Giá trị 2020 (đồng)
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương</b>		
- Cổ tức được chia	7.015.067.680	2.579.069.000
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ</b>		
- Cổ tức được chia	8.294.400.000	640.000.000
<b>Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Điện 1</b>		
- Mua dịch vụ	-	226.316.429
<b>Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Điện 2</b>		
- Mua dịch vụ	2.996.000.334	2.545.534.865
<b>Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Điện 3</b>		
- Cung cấp dịch vụ	481.454.545	270.767.526
- Mua dịch vụ	7.020.591.007	5.484.457.991
- Ứng trước hợp đồng xây dựng cơ bản	897.977.200	-
<b>Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1</b>		
- Mua dịch vụ	-	4.960.786.136
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh</b>		
- Cung cấp dịch vụ	348.877.255	9.350.000
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đồng Nai</b>		
- Cung cấp dịch vụ	150.683.636	-
<b>Trung tâm Viễn thông và Công nghệ Thông tin</b>		
- Mua dịch vụ	273.254.664	819.763.992
<b>Ban Quản lý Dự án Điện 1 - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
- Mua dịch vụ	-	852.820.210

## QUẢN TRỊ CÔNG TY 2021

Quản trị công ty được Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi xem là một yếu tố then chốt để đẩy mạnh kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, phát triển kinh tế cũng như tăng cường lòng tin của nhà đầu tư. Trong đó, hệ thống quản trị Công ty cần được xây dựng dựa trên khuôn khổ pháp lý, cơ chế quản lý doanh nghiệp, và tính minh bạch trong hoạt động. Để đạt được mục tiêu đề ra trong quy chế quản trị, Hội đồng quản trị nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Năm 2021, DNH tiếp tục hướng tới việc nâng cao năng lực quản trị Công ty cũng như giá trị nội tại của doanh nghiệp, hoàn thiện và tăng cường hoạt động của các bộ phận trong cấu trúc nội bộ để đảm bảo lợi ích chung cho cổ đông của DNH thực hiện quyền của mình như: quyền nhận cổ tức, quyền tiếp cận thông tin của Công ty, hay quyền được tham dự, biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ.

Các hoạt động nêu trên sẽ đóng vai trò thiết yếu trong việc góp phần phát triển đạo đức và văn hóa nghề nghiệp, là nền móng cho doanh nghiệp vận hành tốt trong thời điểm hiện tại và tiếp diễn đến tương lai.

Bên cạnh đó, DNH vẫn chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực và quản trị Công ty. Trong năm 2021, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng cùng các cấp lãnh đạo trực thuộc các phòng ban được tạo điều kiện tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn thuộc lĩnh vực liên quan nhằm đáp ứng được chuyên môn cũng như cập nhật kiến thức mới. Đây sẽ là nền tảng quan trọng, góp phần nâng cao năng lực quản trị Công ty.





**EVN HPC DHD**

## **PHẦN VI** **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Ý kiến của kiểm toán viên**

**Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán**



**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Quyết định Thành lập số</b>	327/QĐ-EVN	ngày 24 tháng 5 năm 2010
	Quyết định thành lập do Tập đoàn Điện lực Việt Nam cấp trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi).	
<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp số</b>	5800452036	ngày 18 tháng 5 năm 2005
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5800452036 ngày 3 tháng 3 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lê Văn Quang Ông Nguyễn Trọng Oánh Ông Đặng Văn Cường Ông Đỗ Minh Lộc Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch (từ ngày 28 tháng 2 năm 2022) Chủ tịch (đến ngày 28 tháng 2 năm 2022) Thành viên (từ ngày 28 tháng 2 năm 2022) Thành viên Thành viên (đến ngày 28 tháng 2 năm 2022)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Nguyễn Đăng Dung Ông Ngô Thế Long Ông Hoàng Văn Long Ông Phạm Viết Kỳ Bà Bùi Thị Thu Trang	Trưởng ban (từ ngày 30 tháng 6 năm 2021) Trưởng ban (đến ngày 30 tháng 6 năm 2021) Thành viên Thành viên (từ ngày 30 tháng 6 năm 2021) Thành viên (đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Đỗ Minh Lộc Ông Lê Văn Quang Ông Đỗ Minh Lộc Ông Nguyễn Đình Chiến	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2022) Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2022) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2022) Phó Tổng Giám đốc
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Đỗ Minh Lộc Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2022) Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2022)
<b>Trụ sở đăng ký</b>	80A Trần Phú, Phường Lộc Sơn Thành phố Bảo Lộc Tỉnh Lâm Đồng Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (được gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Minh Lộc  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 3 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**  
**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") và công ty con (được gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó có mô tả việc Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 2 năm 2017 ("Nghị định 10") của Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình điện này đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán theo hướng dẫn của Nghị định 10 đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày trong Thuyết minh 3(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất. Ý kiến của chúng tôi không ngoại trừ vấn đề này.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00394-21-4



Trần Thị Lệ Hằng  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3782-2022-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>2.170.241.001.990</b>	<b>1.494.459.105.437</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>734.363.672.465</b>	<b>144.301.260.966</b>
Tiền	111		10.352.843.765	13.801.260.966
Các khoản tương đương tiền	112		724.010.828.700	130.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>805.543.013.699</b>	<b>906.609.863.014</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	805.543.013.699	906.609.863.014
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>599.463.041.941</b>	<b>407.101.224.604</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	547.444.087.058	319.655.796.608
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.585.007.005	617.453.789
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	49.737.204.911	86.827.974.207
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(1.303.257.033)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8(a)</b>	<b>28.666.796.418</b>	<b>34.701.177.033</b>
Hàng tồn kho	141		28.666.796.418	34.701.177.033
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.204.477.467</b>	<b>1.745.579.820</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	2.204.477.467	1.665.330.983
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	80.248.837

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>6.788.445.799.447</b>	<b>6.857.512.522.708</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>799.932.824.894</b>	<b>799.932.824.894</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	799.932.824.894	799.932.824.894
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.645.125.985.715</b>	<b>5.461.979.964.333</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.644.287.824.864	5.460.953.119.682
Nguyên giá	222		15.361.520.809.415	14.828.272.944.701
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.717.232.984.551)	(9.367.319.825.019)
Tài sản cố định vô hình	227	11	838.160.851	1.026.844.651
Nguyên giá	228		1.886.838.057	1.886.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.048.677.206)	(859.993.406)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.411.419.557</b>	<b>435.135.170.408</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	5.411.419.557	435.135.170.408
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>268.658.696.981</b>	<b>98.669.359.110</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	123.318.696.981	53.329.359.110
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	37.360.000.000	37.360.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	107.980.000.000	7.980.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>69.316.872.300</b>	<b>61.795.203.963</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	4.527.618.178	8.740.750.100
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8(b)	64.789.254.122	53.054.453.863
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>8.958.686.801.437</b>	<b>8.351.971.628.145</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)


Mẫu B 01 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>			
300		2.451.901.787.387	2.551.925.771.590
<b>Nợ ngắn hạn</b>			
310		536.294.669.210	413.833.801.055
311	14	65.037.499.850	56.365.859.483
312		1.615.744.587	1.701.238.120
313	15	265.100.582.748	133.181.117.132
314		30.025.320.046	23.659.464.522
315	16	21.706.347.565	20.040.657.833
319		991.571.000	717.149.490
320	17(a)	142.389.288.694	169.544.678.712
322	18	9.428.314.720	8.623.635.763
<b>Nợ dài hạn</b>			
330		1.915.607.118.177	2.138.091.970.535
338	17(b)	1.915.607.118.177	2.137.732.569.543
341	30(c)	-	359.400.992
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>			
400		6.506.785.014.050	5.800.045.856.555
<b>Vốn chủ sở hữu</b>			
410	19	6.506.785.014.050	5.800.045.856.555
411	20	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
414		455.867.017.367	449.306.520.458
417	21	-	(28.633.216.069)
418		63.753.609.355	70.104.106.264
421		1.708.493.510.086	1.034.827.684.024
		- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	341.032.359.074
		- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	1.367.461.151.012
429		54.670.877.242	50.440.761.878
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>			
440		8.958.686.801.437	8.351.971.628.145

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:  
  
Lê Xuân Phong  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:  
  
Phạm Thị Hồng Hà  
Kế toán trưởng

  
Đ. Minh Lộc  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

7

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
01	24	2.475.118.748.288	1.686.110.693.140
11	25	941.619.808.110	841.814.187.724
20		1.533.498.940.178	844.296.505.416
21	26	228.533.015.590	132.971.353.378
22	27	64.058.896.787	117.086.565.946
23		62.434.528.611	79.749.834.629
24	5(b)(i)	24.989.337.871	(7.324.749.545)
26	28	73.485.496.007	56.507.318.013
30		1.649.476.900.845	796.349.225.290
31		56.206.464	-
32		-	197.587.824
40		56.206.464	(197.587.824)
50		1.649.533.107.309	796.151.637.466
51	30	276.740.852.125	135.449.297.376
52	30	(359.400.992)	359.400.992
60		1.373.151.656.176	660.342.939.098

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

8

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
	Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)	1.373.151.656.176	660.342.939.098
	Trong đó:		
	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.367.461.151.012	658.596.008.148
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	5.690.505.164	1.746.930.950
	Lãi trên cổ phiếu		
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.237	1.559

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:

  
Lê Xuân Phong  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
Phạm Thị Hồng Hà  
Kế toán trưởng

  
Đỗ Minh Lộc  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

9

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	Lợi nhuận trước thuế	1.649.533.107.309	796.151.637.466
	Điều chỉnh cho các khoản:		
	Khấu hao và phân bổ	350.101.843.332	351.463.819.308
	Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.303.257.033	-
	Thu nhập lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	(104.909.409.775)	37.013.353.824
	Thu nhập từ cổ tức	(104.017.054.980)	(120.699.160.418)
	(Lãi)/lỗ từ công ty liên kết	(15.309.467.680)	(3.219.069.000)
	Chi phí lãi vay	(24.989.337.871)	7.324.749.545
		62.434.528.611	79.749.834.629
	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>1.814.147.465.979</b>	<b>1.147.785.165.354</b>
	Biến động các khoản phải thu	(255.253.370.977)	(398.387.418.308)
	Biến động hàng tồn kho	1.333.116.980	(4.696.806.229)
	Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	86.548.960.366	39.149.561.110
	Biến động chi phí trả trước	3.859.985.438	5.797.209.999
		<b>1.650.636.157.786</b>	<b>789.647.711.926</b>
	Tiền lãi vay đã trả	(52.759.708.462)	(52.707.103.281)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(191.598.231.022)	(141.121.771.075)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(16.961.035.793)	(13.724.999.821)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>1.389.317.182.509</b>	<b>582.093.837.749</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

10

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(133.953.599.311)	(94.194.487.691)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(624.000.000.000)	(1.309.532.465.796)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn	24	627.609.863.014	795.897.861.813
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(45.000.000.000)	(22.400.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức	27	57.535.130.315	38.575.814.754
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(117.808.605.982)</b>	<b>(591.653.276.920)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	54.160.146.768	41.622.261.892
Tiền trả nợ gốc vay	34	(153.349.681.697)	(145.359.692.145)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36	(580.816.630.099)	(471.045.985.781)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36	(1.440.000.000)	(1.920.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(681.446.165.028)</b>	<b>(576.703.416.034)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>590.062.411.499</b>	<b>(586.262.855.205)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	144.301.260.966	730.564.116.171
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	734.363.672.465	144.301.260.966

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:  
  
Lê Xuân Phong  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:  
  
Phạm Thị Hồng Hà  
Kế toán trưởng

  
Đinh Lộc  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

11

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 7 tháng 10 năm 2011.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là:

- sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- kinh doanh vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt, phong nhiệt, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 220 KV; và
- tư vấn lập dự toán đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp dầu khí; sản xuất, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị và phụ kiện, cấu kiện, thép bê tông và cung ứng vật tư thiết bị ngành điện.

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

042-

NHÀ  
CƠ  
TY  
PM

HỒ

042-  
NHÀ  
CƠ  
TY  
PM  
HỒ

12

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có cấu trúc như sau:

- 5 phòng ban;
- 2 phân xưởng sản xuất;
- Trung tâm dịch vụ kỹ thuật – đơn vị bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị điện, các công trình thủy công của nhà máy thủy điện;
- Ban Quản lý Dự án Mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim – đơn vị quản lý giai đoạn đầu tư mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết) với thông tin chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	31/12/2021		1/1/2021	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>					
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	70%	70%	70%	70%
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Sản xuất, truyền tải, và phân phối điện	20%	20%	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 263 nhân viên (1/1/2021: 274 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

15

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng cho chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia**

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt theo hướng dẫn của Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”) của Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình điện này đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm phát sinh.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện theo hướng dẫn của Thông tư 200 thì doanh thu hoạt động tài chính sẽ tăng 28.633.216.069 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ tăng 5.726.643.214 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ tăng 22.906.572.855 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: chi phí tài chính sẽ tăng 20.180.615.729 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 4.036.123.146 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 16.144.492.583 VND); số dư của các khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”, “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” không thay đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: số dư của các khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” sẽ tăng 28.633.216.069 VND, “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” sẽ giảm 5.726.643.214 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 22.906.572.855 VND).

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty và công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

16

142  
NH  
TY  
VN  
116

142  
NH  
TY  
VN  
116

(ii) **Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, dẫn đến Nhóm Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 25 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

(h) **Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 5 đến 10 năm.

(i) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và công trình sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.



Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí của các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên sổ dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ dụng cụ**

Công cụ dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Nhóm Công ty được trích lập và sử dụng theo theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Nhóm Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Nhóm Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phòng ngừa tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.



#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	148.094.585	514.249.227
Tiền gửi ngân hàng (*)	10.204.749.180	13.287.011.739
Các khoản tương đương tiền	724.010.828.700	130.500.000.000
	<u>734.363.672.465</u>	<u>144.301.260.966</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là 3,2% (1/1/2021: từ 3,0%).

- (\*) Trong tiền gửi ngân hàng có khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bảo Lộc với số tiền 444 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty từ Ngân hàng Phát triển Châu Á (1/1/2021: 5.004 triệu VND) (Thuyết minh 17).

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ngắn hạn (i)		805.543.013.699		906.609.863.014
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)		100.000.000.000 (*)		-
▪ Trái phiếu (iii)	798	7.980.000.000 (*)	798	7.980.000.000 (*)

- (i) Số dư này phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm và các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm từ 3,9% đến 5,8% (1/1/2021: từ 3,7% đến 6,6%).
- (ii) Số dư này phản ánh khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm là 5,1% (1/1/2021: không có). Khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty từ Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 17).

- (ii) Số dư này bao gồm trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành có giá trị 5 tỷ VND (1/1/2021: 5 tỷ VND), phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017 và có kỳ hạn 10 năm và trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá trị 2,98 tỷ VND (1/1/2021: 2,98 tỷ VND), phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018 và có kỳ hạn 10 năm. Lãi suất áp dụng cho hai trái phiếu này lần lượt là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ 1,2%/năm và 1%/năm. Trong đó lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND có kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.
- (\*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2021				1/1/2021							
	Số lượng cổ phần	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</b>												
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (i)	10.000.000	20%	20%	123.318.696.981	-	(*) 5.500.000	20%	20%	53.329.359.110	-	-	(*)
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>												
• Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	2.579.690	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	87.430.439.100	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	-	68.603.235.400
• Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	51.840.000.000	1%	1%	12.800.000.000	-	-	37.120.000.000
				37.360.000.000	-	139.270.439.100			37.360.000.000	-	-	105.723.235.400
				160.678.696.981					90.689.359.110		-	

(\*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

25

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (“Thuận Bình”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3400675644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Thuận Bình là sản xuất, truyền tải và kinh doanh điện năng. Trụ sở đăng ký của Công ty đặt tại thôn Lạc Trì, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Trong năm, Công ty đã mua 20% cổ phần phát hành thêm của Thuận Bình với số tiền là 45.000 triệu VND. Trong giá gốc của khoản đầu tư vào Thuận Bình có 79.200.000 VND là phần chênh lệch do đánh giá lại khoản góp vốn vào công ty liên kết khi Công ty cổ phần hoá.

Chi tiết giá trị ghi sổ của khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Lợi nhuận được chia lũy kế VND	Giá gốc VND	Lỗ được chia lũy kế VND
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	100.079.200.000	23.239.496.981	123.318.696.981	55.079.200.000
			(1.749.840.890)	53.329.359.110

26



**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	53.329.359.110	43.143.008.655
Góp vốn vào công ty liên kết	45.000.000.000	22.400.000.000
Phần lợi nhuận/(lỗ) được chia từ công ty liên kết	24.989.337.871	(7.324.749.545)
Cổ tức đã nhận trong năm	-	(4.888.900.000)
	123.318.696.981	53.329.359.110

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

**Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình**

	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế VND
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.253.539.633.224	1.637.385.686.805	616.153.946.419	124.946.689.356
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	864.430.030.319	605.222.773.256	259.207.257.063	(38.575.332.202)

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	533.351.157.182	304.994.974.360
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	11.278.145.083	11.672.110.489
Các khách hàng khác	2.814.784.793	2.988.711.759
	547.444.087.058	319.655.796.608

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	533.351.157.182	304.994.974.360
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	11.278.145.083	11.672.110.489
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	33.942.095	319.959.153
Công ty Thủy điện Đại Ninh - Tổng Công ty phát điện 1	-	9.350.000

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

142-6  
 NHÁ  
 TY T  
 PM  
 HỒ

142-6  
 NHÁ  
 TY T  
 PM  
 HỒ

(c) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021		1/1/2021			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hội Xuân VNECO	1.065	1.543.893.615	(1.303.257.033)	240.636.582	700	2.067.999.421

Số dư dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh khoản dự phòng được trích lập trong năm.

29

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	49.678.369.405	85.453.360.660
Phải thu khác	58.835.506	1.374.613.547
	<u>49.737.204.911</u>	<u>86.827.974.207</u>

8. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2021 Giá gốc VND	1/1/2021 Giá gốc VND
Nguyên vật liệu	26.810.370.580	32.272.079.450
Công cụ và dụng cụ	751.711.787	1.406.006.566
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.104.714.051	1.023.091.017
	<u>28.666.796.418</u>	<u>34.701.177.033</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Nhóm Công ty không có hàng tồn kho mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2021 Giá gốc VND	1/1/2021 Giá gốc VND
Phụ tùng thay thế	64.789.254.122	53.054.453.863

30

## 9. Phải thu về cho vay dài hạn

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay dài hạn như sau:

	Loại tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu về cho vay đối với Tổng Công ty Phát điện 1 – công ty mẹ				
▪ Khoản cho vay 1	VND	2024	200.000.000.000	200.000.000.000
▪ Khoản cho vay 2	VND	2025	150.000.000.000	150.000.000.000
▪ Khoản cho vay 3	VND	2025	449.932.824.894	449.932.824.894
			799.932.824.894	799.932.824.894

Các khoản phải thu về cho vay này không có đảm bảo, có kỳ hạn gốc là 5 năm và lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 2,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản phải thu về cho vay này hưởng lãi suất năm là 7,4% (1/1/2021: 7,4%). Nợ gốc vay được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn.



## Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	8.754.868.596.671	5.939.793.461.360	81.042.953.625	52.314.052.538	253.880.507	14.828.272.944.701
Mua trong năm	-	2.330.320.000	3.200.289.000	669.757.000	-	6.200.366.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	561.164.573.655	(34.840.531.736)	37.500.000	324.608.984	-	526.686.150.903
Điều chỉnh khác	1.906.988	353.571.601	4.864.457	1.004.765	-	361.347.811
Số dư cuối năm	9.316.035.077.314	5.907.636.821.225	84.285.607.082	53.309.423.287	253.880.507	15.361.520.809.415
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	4.940.660.964.397	4.326.533.886.984	53.643.261.509	46.227.831.622	253.880.507	9.367.319.825.019
Khấu hao trong năm	180.119.191.793	162.345.374.322	4.491.433.147	2.957.160.270	-	349.913.159.532
Số dư cuối năm	5.120.780.156.190	4.488.879.261.306	58.134.694.656	49.184.991.892	253.880.507	9.717.232.984.551
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	3.814.207.632.274	1.613.259.574.376	27.399.692.116	6.086.220.916	-	5.460.953.119.682
Số dư cuối năm	4.195.254.921.124	1.418.757.559.919	26.150.912.426	4.124.431.395	-	5.644.287.824.864



**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 3.828.768.320.451 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 3.820.298.370.551 VND).

Như được trình bày tại Thuyết minh 17(b), các tài sản hình thành từ các khoản đi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay này. Các tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bảo Lộc (Thuyết minh 4), khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bảo Lộc (Thuyết minh 5(b)), tài sản cố định là tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty từ Ngân hàng Phát triển Châu Á. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.083.154.056.497 VND (1/1/2021: 1.733.852.571.077 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho ba khoản vay này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 421.517.945.766 VND được thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận để đảm bảo cho chính khoản vay từ ngân hàng này của công ty con (1/1/2021: là 443.785.333.977 VND) (Thuyết minh 17(b)).

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm/cuối năm	1.886.838.057
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	859.993.406
Khấu hao trong năm	188.683.800
Số dư cuối năm	1.048.677.206
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.026.844.651
Số dư cuối năm	838.160.851

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Số dư đầu năm	435.135.170.408	402.864.223.360
Tăng trong năm	134.186.608.446	94.695.165.526
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>95.004.618.565</i>	<i>55.532.128.554</i>
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	<i>34.961.139.045</i>	<i>33.319.935.704</i>
<i>Lãi vay vốn hóa trong năm</i>	<i>4.220.850.836</i>	<i>5.843.101.268</i>
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(526.686.150.903)	(28.722.285.774)
Chuyển sang hàng tồn kho	(7.033.536.624)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(186.000.000)	(381.997.000)
Quyết toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	(30.004.671.770)	(33.319.935.704)
Số dư cuối năm	5.411.419.557	435.135.170.408

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đã phát sinh nhưng chưa được quyết toán	4.956.467.275	-
Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (i)	-	435.135.170.408
Các công trình khác	454.952.282	-
	5.411.419.557	435.135.170.408

- (i) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương. Mục tiêu của Dự án là nhằm mở rộng thêm 1 tổ máy 80MW cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160MW lên 240MW. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.952.591.601.000 VND (tương đương 92,28 triệu USD). Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn vay Quỹ hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Chính phủ Nhật Bản (85%) và vốn đối ứng của chủ đầu tư (15%). Tháng 04 năm 2019, Dự án được đưa vào vận hành thương mại với công suất 45MW. Tháng 08 năm 2021, Dự án hoàn thành và vận hành thương mại với toàn bộ công suất thiết kế 80MW. Tài sản hình thành từ Dự án được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty từ Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực (Thuyết minh 17(b)).

**13. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản lệ phí đường bộ.

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	4.113.194.085	4.627.556.015	8.740.750.100
Tăng trong năm	2.885.876.179	336.016.364	3.221.892.543
Phân bổ trong năm	(2.849.177.815)	(4.585.846.650)	(7.435.024.465)
Số dư cuối năm	4.149.892.449	377.725.729	4.527.618.178

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	21.274.096.825	30.526.962.718
Nippon Koei Ltd	12.907.138.995	-
Công ty TNHH Nippon Koei Việt Nam International	9.978.576.385	-
Công ty TNHH Cơ điện Minh Anh	6.725.349.968	-
Viện Nghiên cứu Cơ khí	681.109.762	681.109.762
GE Power India Limited	445.317.108	4.435.403.723
Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1	-	13.465.270.317
Các nhà cung cấp khác	13.025.910.807	7.257.112.963
	65.037.499.850	56.365.859.483

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	4.495.485.171	404.244.508
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	178.370.587	178.370.587
Ban Quản lý Dự án Điện 1 - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	117.722.452
Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1	-	13.465.270.317

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo thỏa thuận với các bên liên quan.

HỒ SƠ  
 NHÀ  
 TY  
 ĐA  
 MI

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Chuyển từ thuế phải thu VND	31/12/2021 VND
<b>Thuế</b>					
Thuế giá trị gia tăng	13.923.813.129	247.686.653.007	(223.152.469.542)	-	38.457.996.594
Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.872.443.580	276.740.852.125	(191.598.231.022)	(80.248.837)	135.934.815.846
Thuế thu nhập cá nhân	1.028.430.502	4.595.868.607	(4.860.752.558)	-	763.546.551
Thuế tài nguyên	36.498.106.982	282.813.377.853	(264.576.747.986)	-	54.734.736.849
Các loại thuế khác	17.441.580	5.401.567.718	(5.419.009.298)	-	-
<b>Các khoản phải nộp khác</b>					
Phí dịch vụ môi trường rừng	22.872.709.692	109.215.438.444	(96.878.661.228)	-	35.209.486.908
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	7.968.171.667	32.508.275.819	(40.476.447.486)	-	-
	133.181.117.132	958.962.033.573	(826.962.319.120)	(80.248.837)	265.100.582.748

HỒ SƠ  
 NHÀ  
 TY  
 ĐA  
 MI



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	21.706.347.565	20.040.657.833

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm				31/12/2021 Giá trị ghi sổ/ số có khả năng trả nợ VND
	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	169.544.678.712	142.389.288.694	(169.145.140.417)	(399.538.295)	142.389.288.694

(b) Vay dài hạn

Biến động các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	2.137.732.569.543	2.249.185.967.612
Giải ngân trong năm	61.819.998.598	50.696.788.807
Trả nợ gốc trong năm	(9.000.000.000)	(50.400.164.386)
Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(142.389.288.694)	(165.278.282.980)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	(132.556.161.270)	53.528.260.490
Số dư cuối năm	1.915.607.118.177	2.137.732.569.543

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2021	1/1/2021
				VND	VND
<i>Vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam</i>					
▪ Khoản vay 1	JPY	2021	2,75%	-	26.288.624.103
<i>Vay từ Công ty Tài Chính Cổ phần Điện Lực</i>					
▪ Khoản vay 1 (i)	JPY	2044	0,21% - 1,6%	1.060.350.054.406	1.186.371.716.224
<i>Vay từ Ngân hàng phát triển Châu Á</i>					
▪ Khoản vay 1 (ii)	USD	2034	Lãi suất thả nổi	723.522.252.301	793.652.807.764
<i>Vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận</i>					
▪ Khoản vay 1 (iii)	VND	2029	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,5%	274.124.100.164	300.964.100.164
				2.057.996.406.871	2.307.277.248.255
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(142.389.288.694)	(169.544.678.712)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.915.607.118.177	2.137.732.569.543

- (i) Theo Hợp đồng cho vay lại vốn vay ưu đãi Chính phủ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2015/HĐCVL/TCĐL-ĐHĐ/ĐNMR ngày 8 tháng 7 năm 2015, khoản vay này được sử dụng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và chịu lãi suất là 0,01%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục tư vấn; 1,4%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục xây lắp, thiết bị, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Thời hạn cho vay lại là 25 năm trong đó có thời gian ân hạn là 5 năm kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2014, nợ gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 1 và ngày 20 tháng 7 hàng năm sau khi kết thúc thời gian ân hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 1 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10) và tài sản Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu với công suất lắp máy 160MW và Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 80MW (Thuyết minh 10). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.227.512.669.414 VND (1/1/2021: 787.362.782.223 VND) được thế chấp tại Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực để bảo đảm cho khoản vay này.

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Theo Hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26 tháng 9 năm 2019, khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi. Phần dư nợ 155.886.058.008 VND (tương đương 6.804.280 USD) chịu lãi suất thả nổi bằng LIBOR + biên độ lãi suất 3,65%/năm. Phần dư nợ 260.805.836.758 VND (tương đương 11.383.930 USD) chịu lãi suất bằng chi phí hoán đổi lãi suất cố định + biên độ lãi suất 3,65%/năm. Phần dư nợ 306.830.357.535 VND (tương đương 13.392.857 USD) chịu lãi suất cố định là 2,5%/năm. Thời hạn vay là 15 năm trong đó thời gian ân hạn được tính từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 23 tháng 12 năm 2019) đến kỳ trả nợ đầu tiên (ngày 15 tháng 9 năm 2020). Nợ gốc và lãi vay sẽ được trả mỗi năm hai lần vào ngày 15 tháng 3 và ngày 15 tháng 9 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- Các tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bảo Lộc (Thuyết minh 4).
  - Các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bảo Lộc (Thuyết minh 5(b)).
  - Tài sản cố định là tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi (Thuyết minh 10). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 855.641.387.083 VND (1/1/2021: 946.489.788.854 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay này.
- (iii) Theo Hợp đồng vay số 1/4/HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2011 được ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận và công ty con, khoản vay này được sử dụng để thanh toán một phần chi phí thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2. Thời hạn vay là 18 năm kể từ lần rút vốn đầu tiên, trong đó có 2 năm ân hạn. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận tại thời điểm giải ngân và thời điểm điều chỉnh lãi suất theo định kỳ 6 tháng 1 lần (+) cộng phí thỏa thuận là 2.5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 421.517.945.766 VND (1/1/2021: 443.785.333.977 VND) (Thuyết minh 10).

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	8.623.635.763	6.023.267.874
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	17.765.714.750	16.325.367.710
Sử dụng trong năm	(16.961.035.793)	(13.724.999.821)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.428.314.720</b>	<b>8.623.635.763</b>

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	4.224.000.000.000	402.839.889.104	(8.452.600.340)	116.360.737.618	1.406.517.581.598	48.703.292.916	6.189.968.900.896
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	658.596.008.148	1.746.930.950	660.342.939.098
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(46.592.611.363)	(1.013.760.000.000)	-	(1.013.760.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	46.466.631.354	-	335.980.009	(300.000.000)	125.980.009	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(16.225.905.722)	(35.980.009)	(16.325.367.710)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(99.461.988)	(99.461.988)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 21)	-	-	(20.180.615.729)	-	-	-	(20.180.615.729)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	4.224.000.000.000	449.306.520.458	(28.633.216.069)	70.104.106.264	1.034.827.684.024	50.440.761.878	5.800.045.856.555
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.367.461.151.012	5.690.505.164	1.373.151.656.176
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(675.840.000.000)	(1.440.000.000)	(677.280.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	6.560.496.909	-	(6.560.496.909)	(300.000.000)	90.000.000	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	210.000.000	(17.655.324.950)	(110.389.800)	(17.765.714.750)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 21)	-	-	28.633.216.069	-	-	-	28.633.216.069
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	4.224.000.000.000	455.867.017.367	-	63.753.609.355	1.708.493.510.086	54.670.877.242	6.506.785.014.050

110  
111  
112  
113  
114  
115  
116

117  
118  
119  
120  
121  
122  
123

## 20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 như sau:

	Số cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH			
Một Thành viên	422.103.100	4.221.031.000.000	99,93%
Các cổ đông khác	296.900	2.969.000.000	0,07%
	422.400.000	4.224.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH Một Thành viên, được thành lập tại Việt Nam.

## 21. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Khoản mục này phản ánh khoản lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi dự án này đi vào hoạt động thương mại theo hướng dẫn của Nghị định 10 (Thuyết minh 3(b)(ii)).

Biến động của chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	(28.633.216.069)	(8.452.600.340)
Phát sinh trong năm	27.039.656.995	(20.180.615.729)
Phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.593.559.074	-
Số dư cuối năm	-	(28.633.216.069)

## 22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 6 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 675.840 triệu VND, tương đương 1.600 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 (2020: phân phối khoản cổ tức 1.013.760 triệu VND, tương đương 2.400 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019).

## 23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### (a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	17.141	394.637.393	26.298	603.870.671

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	381.853.458.139
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	243.230.518.090
	-	625.083.976.229

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	2.464.997.578.718	1.675.264.714.647
▪ Cung cấp dịch vụ	10.121.169.570	10.845.978.493
	2.475.118.748.288	1.686.110.693.140

**25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn		
▪ Điện đã bán	937.245.805.626	833.617.518.657
▪ Dịch vụ đã cung cấp	4.374.002.484	8.196.669.067
	941.619.808.110	841.814.187.724

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Thu nhập lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	104.017.054.980	120.699.160.418
Thu nhập cổ tức	15.309.467.680	3.219.069.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.703.524.081	9.053.123.960
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	106.502.968.849	-
	228.533.015.590	132.971.353.378

**27. Chi phí tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	62.434.528.611	79.749.834.629
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá (Thuyết minh 21)	1.593.559.074	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	30.809.102	323.377.493
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	37.013.353.824
	64.058.896.787	117.086.565.946

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	43.646.744.612	32.440.805.047
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.401.927.847	1.174.806.013
Thuế, phí và lệ phí	4.596.484.478	1.464.230.277
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	824.359.372	688.836.581
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.154.483.962	734.568.105
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.303.257.033	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.527.582.433	12.343.989.342
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.030.656.270	7.660.082.648
	73.485.496.007	56.507.318.013

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu trong chi phí sản xuất	29.344.847.130	19.468.388.450
Chi phí nhân công và nhân viên	117.036.835.927	94.887.981.697
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.978.843.334	1.423.404.686
Chi phí khấu hao và phân bổ	350.101.843.332	351.463.819.308
Thuế, phí và lệ phí khác	428.646.267.075	354.699.463.493
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.303.257.033	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.567.936.681	37.735.361.599
Chi phí khác	46.125.473.605	38.643.086.504

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	276.740.852.125	135.449.297.376
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(359.400.992)	359.400.992
	276.381.451.133	135.808.698.368

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.649.533.107.309	796.151.637.466
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	329.906.621.462	159.230.327.493
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	(1.963.701.236)	(597.095.696)
Ảnh hưởng thuế của phần (thu nhập)/lỗ không bị tính thuế	(8.059.761.110)	821.136.109
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.310.394.874	773.140.772
Ưu đãi thuế	(44.812.102.857)	(24.418.810.310)
	276.381.451.133	135.808.698.368

45

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	20%	-	359.400.992

(d) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Dự án Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng và Dự án Điện mặt trời Đa Mi được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thu nhập thông thường là 20%.

(ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng (từ năm 2015 đến năm 2018 đối với tổ máy 2, từ năm 2019 đến năm 2022 đối với dự án mở rộng tổ máy 1 và tổ máy 2) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027 đối với tổ máy 2, từ năm 2023 đến năm 2031 đối với dự án mở rộng tổ máy 1 và tổ máy 2).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thu nhập thông thường là 20%.

46



**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	1.367.461.151.012	658.596.008.148
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	1.367.461.151.012	658.596.008.148

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 do Đại Hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích lập của quỹ này. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2021 Cổ phiếu	2020 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	422.400.000	422.400.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	422.400.000	422.400.000

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2021 VND	2020 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Mua điện	1.777.024.047	3.500.856.770
Chi phí lãi vay	349.278.587	10.543.875.442
Trả nợ gốc vay	26.288.624.103	433.698.824.858
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 1</b>		
Thu nhập lãi cho vay	29.761.945.159	71.620.714.107
Chi hộ	-	222.432.861
Chia cổ tức	675.364.960.000	1.013.047.440.000
Cho vay	-	500.000.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Bán điện	2.382.885.316.248	1.606.097.833.456
<b>Tổng Công ty điện lực Miền Nam</b>		
Bán điện	82.112.262.470	69.166.881.191
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương</b>		
Cổ tức được chia	7.015.067.680	2.579.069.000
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ</b>		
Cổ tức được chia	8.294.400.000	640.000.000
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1</b>		
Mua dịch vụ	-	226.316.429
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2</b>		
Mua dịch vụ	-	2.545.534.865
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3</b>		
Cung cấp dịch vụ	481.454.545	270.767.526
Mua dịch vụ	2.295.550.760	5.484.457.991
Ứng trước hợp đồng xây dựng cơ bản	897.977.200	-
<b>Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1</b>		
Mua dịch vụ	-	4.960.786.136

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2021 VND	2020 VND
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh</b> Cung cấp dịch vụ	348.877.255	9.350.000
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đồng Nai</b> Cung cấp dịch vụ	150.683.636	-
<b>Trung tâm Viễn thông và Công nghệ Thông tin</b> Mua dịch vụ	273.254.664	819.763.992
<b>Ban Quản lý Dự án Điện 1 - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b> Mua dịch vụ	-	852.820.210
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt của Nhóm Công ty Tổng Giám đốc</b> Tiền lương và thưởng	965.007.456	742.092.000
<b>Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc</b> Tiền lương và thưởng	1.711.571.844	1.312.968.000
<b>Hội đồng Quản trị Ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tịch</b> Thù lao	1.003.986.456	770.640.000
<b>Ban Kiểm soát Thành viên trong Ban Kiểm soát</b> Thù lao	1.123.439.400	947.613.600

**Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	26.591.499.464	54.757.915.563
Thanh toán nợ gốc vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng	25.194.997.015	433.698.824.858
Chi trả cổ tức bằng cách cản trừ với khoản cho vay	-	500.000.000.000
Chi trả cổ tức bằng cách cản trừ với lãi cho vay phải thu	95.023.369.901	42.714.014.219
Thu nhập lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập vào nợ gốc	2.543.013.699	7.077.397.218
Thanh toán lãi vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng	349.278.587	10.543.875.442
Chi phí lãi vay nhập nợ gốc vay	7.659.851.830	9.074.526.915
Chuyển từ hàng tồn kho sang tài sản cố định	-	7.851.708.069
Chuyển xây dựng cơ bản dở dang sang chi phí trả trước dài hạn	186.000.000	381.997.000

**34. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:  
  
 Lê Xuân Phong  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:  
  
 Phạm Thị Hồng Hà  
 Kế toán trưởng

  
 Đỗ Minh Lộc  
 Tổng Giám đốc





# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN

ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

XÁC NHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM  
HÀM THUẬN ĐA MI  
QUẢN LÝ GIÁM ĐỐC



Minh L c